

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC
THỦ DẦU MỘT
THU DAU MOT
WATER
JOINT STOCK COMPANY**

Số/No: 28/CBTT/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Phú Lợi, ngày 02 tháng 07 năm 2026
Phu Loi, July 02nd, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/*State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/*HCM Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

- *Organization name:* **THU DAU MOT WATER JOINT STOCK COMPANY**
- Mã chứng khoán: TDM
- *Stock symbol:* TDM
- Địa chỉ: Số 11B Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, thành phố Hồ Chí Minh.
- *Address:* No. 11B Ngo Van Tri, Phu Loi Ward, Ho Chi Minh City.
- Điện thoại liên hệ/*Contact number:* 02743 842255

2. Nội dung thông tin công bố/*Information to be disclosed:*

Ngày 02/07/2026, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một đã nhận Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng được Ủy ban chứng khoán Nhà nước phê duyệt cùng các phụ lục đính kèm.

On July 02nd, 2026, hu Dau Mot Water Joint Stock Company received the Prospectus of additional public offering of shares approved by the State Securities Commission and attached appendices.

(Nội dung chi tiết theo văn bản đính kèm/ The detailed contents are provided in the attached document).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/07/2026 tại đường dẫn/*This information is disclosed on the company's website on July 02nd, 2026 at the link:* [http://www. TDMWATER.VN](http://www.TDMWATER.VN).



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby declare that all information provided in this announcement is true and accurate. We shall be legally responsible for the accuracy of our information disclosure./.

Tài liệu đính kèm/Attachments:
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents related to the content of the disclosed information.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ORGANIZATIONAL REPRESENTATIVE
AUTHORIZED PERSON TO DISCLOSE INFORMATION**



**TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR
Trần Thế Hưng/Tran The Hung**



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/08/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 323/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 7 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2026 tại:

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Trụ sở chính: Số 11B, đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (027) 43842255 - 43842277 Fax: (027) 43841838

Website: <https://tdmwater.vn/>

II. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Điện thoại: (024) 39446666 Fax: (024) 3944 6969

Website: <http://upstock.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Trần Thế Hưng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: (027) 43842255 – 43842277

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/08/2025)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	: 43.500 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 11.110.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 111.100.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 38241990 Fax: (024) 3825 3973

Website: <https://aasc.com.vn/web/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán UP

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 39446666 Fax: (024) 3944 6969

Website: <https://upstock.com.vn/>



MỤC LỤC

80 ✦ 88

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức phát hành	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	9
1. Rủi ro về kinh tế	9
2. Rủi ro về luật pháp	12
3. Rủi ro đặc thù	12
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	13
5. Rủi ro pha loãng	14
6. Rủi ro quản trị công ty.....	17
7. Rủi ro khác	17
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	20
1. Thông tin chung về Công ty	20
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	22
3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành.....	24
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức phát hành.....	28
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại.	35
6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	35
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện.....	38
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	38
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	39



10. Hoạt động kinh doanh	40
11. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG	62
12. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	65
13. THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN GẦN NHẤT TRONG 02 NĂM TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN NAY	65
14. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	70
15. CÁC THÔNG TIN, NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN, TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, ĐỢT CHÀO BÁN, GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	70
16. THÔNG TIN VỀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH KHÔNG THUỘC TRƯỜNG HỢP ĐANG BỊ TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ HOẶC ĐÃ BỊ KẾT ÁN VỀ MỘT TRONG CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ MÀ CHƯA ĐƯỢC XÓA ÁN TÍCH	70
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	71
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	71
2. Tình hình tài chính	73
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty	77
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	78
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	80
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	114
1. Loại cổ phiếu	114
2. Mệnh giá cổ phiếu	114
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán.....	114
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	114
5. Giá chào bán dự kiến.....	114
6. Phương pháp tính giá.....	114
7. Phương thức phân phối.....	114



BẢN CÁO BẠCH
CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

8. Đăng ký mua cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng.....	115
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	116
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	117
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	117
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	118
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....	118
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	118
15. Các loại thuế liên quan	118
16. Thông tin về các cam kết.....	119
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	119
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	120
1. Mục đích chào bán	120
2. Phương án khả thi.....	120
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	120
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH.....	124
1. Tổ chức kiểm toán.....	124
2. Tổ chức tư vấn.....	124
3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán	124
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	125
XII. PHỤ LỤC	127



DANH MỤC BIỂU ĐỒ



Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025	9
Biểu đồ 2: Tốc độ tăng CPI của Việt Nam trong năm 2025.....	11
Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty.....	24
Biểu đồ 4: Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty.....	28

DANH MỤC BẢNG



Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.....	20
Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty.....	29
Bảng 3: Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm của Công ty.....	29
Bảng 4: Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm của Công ty	30
Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty.....	35
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 10/02/2026	39
Bảng 7: Giá trị sản xuất và tiêu thụ nước của Công ty.....	44
Bảng 8: Cơ cấu Doanh thu thuần theo lĩnh vực kinh doanh trong giai đoạn 2024 – 2025	44
Bảng 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp.....	45
Bảng 10: Cơ cấu chi phí	46
Bảng 11: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2024.....	47
Bảng 12: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025.....	47
Bảng 13: Tình hình tài sản tại ngày 31/03/2026.....	48
Bảng 14: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty tính đến ngày 31/03/2026	50
Bảng 15: Các hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2024 đến thời điểm hiện tại.....	51
Bảng 16: Các khách hàng lớn của Công ty.....	54
Bảng 17: Nhà cung cấp lớn của công ty	55
Bảng 18: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2025 của các công ty trong ngành.....	57
Bảng 19: Cơ cấu người lao động tại Công ty	62
Bảng 20: Tình hình chi trả cổ tức 02 năm gần nhất	65
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh	71
Bảng 22: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty	73



BẢN CÁO BẠCH
CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Bảng 23: Khấu hao tài sản cố định.....	74
Bảng 24: Thu nhập bình quân.....	74
Bảng 25: Mức lương bình quân của một số Công ty trong ngành.....	74
Bảng 26: Các khoản phải thu.....	75
Bảng 27: Các khoản phải trả.....	75
Bảng 28: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty.....	76
Bảng 29: Chi tiết các quỹ của Công ty.....	76
Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty.....	77
Bảng 31: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026.....	78
Bảng 32: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn.....	82
Bảng 33: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn.....	83
Bảng 34: Danh sách Hội đồng quản trị đương nhiệm.....	83
Bảng 35: Danh sách Ban Kiểm soát đương nhiệm.....	93
Bảng 36: Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đương nhiệm.....	99
Bảng 37: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.....	116

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Văn Trí

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Trần Thế Hưng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Khang

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Tuấn An

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán UP tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng số 20/2026/TVPHCP/UPSC-TDM ngày 23/02/2026 với Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

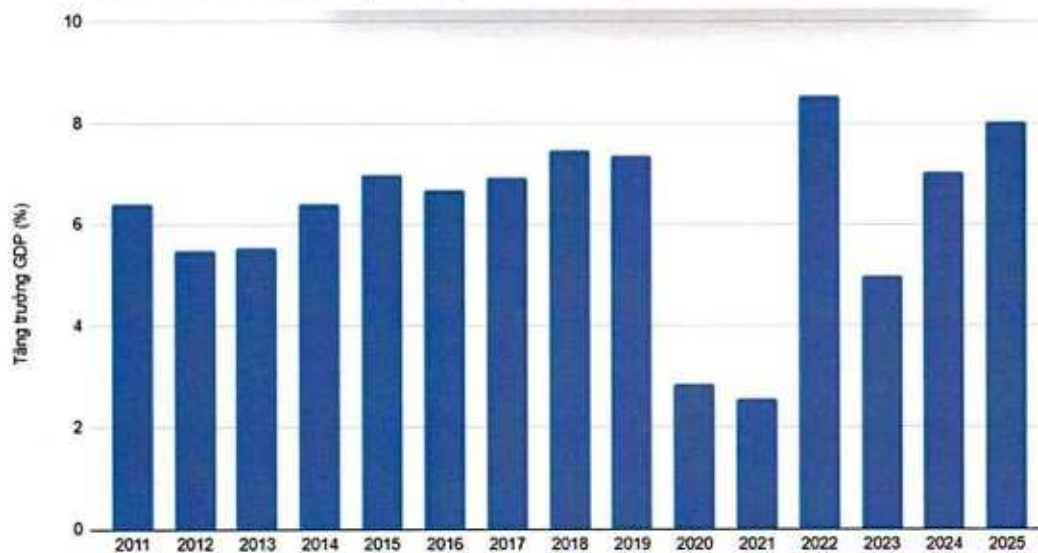
1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro Tăng trưởng kinh tế

Năm 2025 có thể coi là bước chuyển dịch mang tính tích cực trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực. Tuy nhiên cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm khôi phục và phát triển nền kinh tế.

Trong khi các tổ chức quốc tế như IMF và OECD dự báo tăng trưởng toàn cầu chỉ ở mức 3,1% - 3,2%, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á. Cụ thể, GDP năm 2025 của nước ta tăng 8,02%, chỉ thấp hơn mức tăng kỷ lục của năm 2022 là 8,54% trong cả giai đoạn 2011-2025. Chi tính riêng quý IV/2025 ước tính tăng 8,46% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, mặc dù chịu tác động bất lợi từ bão, mưa lũ, nhưng nhờ triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì ở mức ổn định. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2025 ước tăng 3,48% so với năm trước, đóng góp 3,59% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,70% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,38%; ngành thủy sản tăng 4,41%, đóng góp 1,33%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp năm 2025 ước tăng 8,80% so với năm



trước, đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2019-2025, tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế, đóng góp 31,49%. Ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,82%, đóng góp 0,60%. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,39%, đóng góp 2,94%. Ngành khai khoáng tăng 0,42%, đóng góp 0,13%. Ngành xây dựng tăng 9,62%, đóng góp 8,47%, cao nhất kể từ năm 2017, tạo thêm nhiều năng lực mới tăng cho nền kinh tế.

Các hoạt động thương mại, du lịch tăng cao, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 cao nhất từ trước đến nay, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ năm 2025 ước tăng 8,62%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 10,66% của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62%; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%, đóng góp 3,34%. Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 đạt gần 21,2 triệu lượt khách, tăng 20,4% so với năm trước và là số lượng khách đến nước ta đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,65%; khu vực dịch vụ chiếm 42,75%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,96% (Cơ cấu tương ứng của năm 2024 là 12,03%; 37,52%; 42,35%; 8,10%).

Về sử dụng GDP năm 2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% so với năm 2024; tích lũy tài sản tăng 8,68%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,12%¹.

Với hoạt động cốt lõi là sản xuất và cung cấp nước sạch, triển vọng tăng trưởng của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một tiếp tục được hỗ trợ bởi nhu cầu tiêu thụ nước ổn định tại tỉnh Bình Dương cũ (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) – địa phương có tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa cao nhất tại khu vực phía Nam. Sự mở rộng của các khu công nghiệp, khu đô thị mới cùng với dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) duy trì tích cực đã góp phần gia tăng nhu cầu sử dụng nước sạch cho cả sản xuất và sinh hoạt.

Bên cạnh đó, việc Chính phủ tiếp tục thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, phát triển hạ tầng giao thông và đô thị tại khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam tạo điều kiện thuận lợi cho sự gia tăng nhu cầu cấp nước trong trung và dài hạn. Với hệ thống cấp nước và mạng lưới phân phối được đầu tư đồng bộ, TDM có nền tảng để mở rộng đầu tư để tăng khả năng cung cấp cho các khu công nghiệp và khu dân cư mới hình thành. Hoạt động kinh doanh của TDM được kỳ vọng duy trì sự ổn định và tăng trưởng bền vững trong các năm tới.

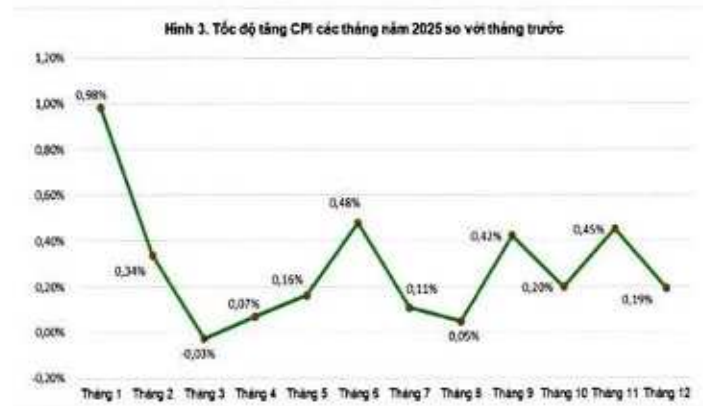
¹ Trích dẫn Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2025 của Cơ quan thống kê Quốc gia – Cục Thống kê - Bộ Tài chính <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>



1.2. Rủi ro Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát, chính vì vậy, Chính phủ đã thực hiện quyết liệt trong việc đưa ra các chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, CPI bình quân tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra; lạm phát cơ bản tăng 3,21%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây là kết quả tích cực từ việc chủ động điều hành giá các mặt hàng thiết yếu như y tế, giáo dục và điện sinh hoạt, góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế vĩ mô.

Biểu đồ 2: Tốc độ tăng CPI của Việt Nam trong năm 2025



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Riêng tháng 12, CPI tăng 0,19% so với tháng trước với 09 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng giá và 02 nhóm giảm giá, cho thấy áp lực lạm phát vẫn tồn tại, đặc biệt ở nhóm hàng thiết yếu và dịch vụ.

Các nhóm có mức tăng đáng chú ý gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,75%, đóng góp lớn nhất vào CPI chung (0,27 điểm phần trăm), trong đó thực phẩm tăng 0,98%, lương thực tăng 0,55% và ăn uống ngoài gia đình tăng 0,29%. Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,06%, chủ yếu do giá gas tăng 2,08%, dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,62%, vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,55% và giá thuê nhà tăng 0,19%. Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,20% do nhu cầu mua sắm cuối năm; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,19% (trong đó giá đồ trang sức tăng 2,71% theo giá vàng thế giới). Bên cạnh đó, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,06%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,02% và nhóm giáo dục tăng 0,01%.

Ở chiều ngược lại, nhóm giao thông giảm 1,08% do giá dầu diesel giảm 7,84% và giá xăng giảm 2,38%, góp phần kìm hãm đà tăng CPI chung; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,12%.

Trong giai đoạn tới, đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch như Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một, xu hướng lạm phát tăng ở nhóm năng lượng, vật liệu xây dựng và chi phí dịch vụ có thể làm gia tăng chi phí vận hành, bảo trì hệ thống và đầu tư hạ tầng. Bên cạnh đó, giá bán nước sạch được quản lý theo khung giá quy định của địa phương nên cơ chế giá cố định trong từng giai đoạn có thể tạo áp lực đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh



khi chi phí đầu vào như điện năng, hóa chất xử lý nước và chi phí nhân công gia tăng nhanh hơn tốc độ điều chỉnh giá nước, từ đó ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngắn hạn.

2. Rủi ro về luật pháp

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Khai thác, Xử lý và Cung cấp nước sạch nên chịu sự điều chỉnh trực tiếp của Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Giá, Luật An toàn Vệ sinh lao động, Luật Phòng cháy chữa cháy cứu nạn cứu hộ, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cùng các quy định liên quan đến cấp phép khai thác nước, tiêu chuẩn chất lượng nước sinh hoạt. Đồng thời, khi triển khai các dự án nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, Công ty còn chịu tác động của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định về đầu tư, đấu thầu có liên quan.

Ngoài ra, với tư cách là Công ty đại chúng niêm yết, Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn liên quan. Công ty đồng thời chịu sự giám sát của các cơ quan quản lý như Bộ Tài chính Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và Cơ quan thuế.

Việc thay đổi, bổ sung các quy định pháp luật về môi trường, tài nguyên nước, cơ chế quản lý giá nước sạch hoặc quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động đầu tư, vận hành và quản trị của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro mang tính hệ thống, đòi hỏi doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật chính sách và điều chỉnh hoạt động nhằm tận dụng các yếu tố thuận lợi và hạn chế các tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về cơ chế giá bán do Nhà nước quản lý

Hoạt động cấp nước sạch và xử lý chất thải là lĩnh vực công ích, thuộc nhóm ngành nghề kinh doanh có điều kiện và chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan nhà nước địa phương. Giá bán nước sạch không do Công ty tự quyết định theo cơ chế thị trường mà phải xây dựng phương án giá và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. Trong khi đó, chi phí đầu vào của ngành nước có xu hướng biến động theo thị trường, đặc biệt là chi phí điện năng, hóa chất xử lý và nhân công. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nhóm “nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng” thường xuyên nằm trong nhóm đóng góp lớn vào mức tăng CPI hằng năm; riêng năm 2023 và 2024, giá điện và chi phí sinh hoạt có điều chỉnh tăng, gây áp lực trực tiếp đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp hạ tầng.

Trong cơ cấu giá thành sản xuất nước sạch theo công bố của Bộ Xây dựng, chi phí điện năng thường chiếm khoảng 20–30% tổng giá thành, còn chi phí hóa chất xử lý chiếm khoảng 10–15%. Khi các yếu tố này tăng giá, chi phí sản xuất tăng ngay lập tức nhưng việc điều chỉnh giá bán nước phải trải qua quy trình thẩm định nhiều cấp, thường kéo dài theo lộ trình nhiều năm. Sự chênh lệch về thời điểm giữa tăng chi phí và điều chỉnh giá bán có thể làm biên lợi nhuận gộp của Công ty bị thu hẹp trong ngắn hạn. Do đó, hiệu quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc đáng kể vào tiến độ và mức độ điều chỉnh giá được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đây là rủi ro mang tính đặc thù của ngành nước và khó có thể kiểm soát hoàn toàn bằng biện pháp nội tại.



3.2 Rủi ro về tỷ lệ thất thoát nước và hiệu quả khai thác hệ thống

Tỷ lệ thất thoát nước là chỉ tiêu kỹ thuật phản ánh mức độ hiệu quả trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước. Theo báo cáo tổng hợp của ngành cấp nước đô thị Việt Nam, tỷ lệ thất thoát nước bình quân toàn quốc vẫn duy trì ở mức trên 15%. Việc duy trì tỷ lệ thất thoát thấp đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư lớn vào thay thế đường ống cũ, lắp đặt hệ thống giám sát áp lực, phân vùng quản lý mạng lưới (DMA) và hệ thống điều khiển tự động SCADA.

3.3 Rủi ro liên quan đến chất lượng nguồn nước đầu vào

Nguồn nước thô của Công ty chủ yếu được khai thác từ hệ thống sông lớn tại khu vực Đồng Nam Bộ. Theo các báo cáo quan trắc môi trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chất lượng nước mặt tại một số lưu vực sông có xu hướng chịu áp lực từ hoạt động công nghiệp, đô thị hóa và biến đổi khí hậu, đặc biệt trong mùa khô khi lưu lượng nước giảm và nguy cơ xâm nhập mặn gia tăng. Khi các chỉ tiêu như độ mặn, hàm lượng amoni hoặc clorua vượt ngưỡng cho phép, doanh nghiệp phải tăng cường liều lượng hóa chất, điều chỉnh quy trình xử lý hoặc trong trường hợp cần thiết phải tạm ngừng khai thác tại một số điểm để đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

Việc suy giảm chất lượng nước thô làm tăng trực tiếp chi phí sản xuất do tăng lượng hóa chất, tăng điện năng tiêu thụ và tăng tần suất bảo trì thiết bị. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu được dự báo tiếp tục làm gia tăng tình trạng hạn hán và xâm nhập mặn tại khu vực Nam Bộ theo các kịch bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, chi phí xử lý nước có thể tiếp tục tăng trong dài hạn. Điều này tạo áp lực lên biên lợi nhuận nếu giá bán nước không được điều chỉnh tương ứng.

3.4 Rủi ro đặc thù về đầu tư vốn lớn và phụ thuộc tăng trưởng kinh tế địa phương

Ngành cấp nước và xử lý môi trường là ngành có cường độ vốn cao với thời gian thu hồi vốn dài. Các dự án nhà máy nước, trạm bơm và hệ thống truyền tải có thời gian khấu hao phổ biến từ 20–30 năm. Theo số liệu thống kê đầu tư công bố của ngành hạ tầng đô thị, suất đầu tư cho một nhà máy nước công suất lớn có thể lên đến hàng nghìn tỷ đồng, đòi hỏi doanh nghiệp phải huy động vốn vay đáng kể trong giai đoạn triển khai. Khi lãi suất thị trường tăng, chi phí tài chính của doanh nghiệp có thể gia tăng trong ngắn hạn, làm giảm lợi nhuận sau thuế.

Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng nước của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ đô thị hóa và phát triển công nghiệp tại tỉnh Bình Dương cũ. Theo Cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) và dòng vốn FDI đăng ký mới có xu hướng biến động theo chu kỳ kinh tế toàn cầu. Trong trường hợp hoạt động sản xuất tại các khu công nghiệp chậm lại hoặc thu hút đầu tư giảm sút, nhu cầu tiêu thụ nước công nghiệp – nhóm khách hàng có sản lượng và giá bán cao – có thể tăng trưởng thấp hơn dự kiến. Khi đó, công suất thiết kế của các nhà máy nước không được khai thác tối ưu, trong khi chi phí khấu hao và chi phí cố định vẫn phát sinh đầy đủ, làm giảm hiệu quả sử dụng tài sản và tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Việc chào bán cổ phiếu của Công ty chịu ảnh hưởng bởi diễn biến của thị trường chứng khoán tại thời điểm thực hiện, điều kiện kinh tế vĩ mô và tâm lý nhà đầu tư. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn tiềm ẩn nhiều biến động như lãi suất, lạm phát, tỷ giá và tăng trưởng kinh tế có thể thay đổi theo chu kỳ, thị trường chứng khoán có thể xuất hiện các giai đoạn biến



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỌT

động mạnh về thanh khoản và mức định giá. Khi thị trường kém thuận lợi, nhà đầu tư có xu hướng thận trọng hơn trong việc tham gia các đợt phát hành mới, đặc biệt đối với các khoản đầu tư dài hạn.

Mức độ thành công của đợt chào bán cổ phiếu còn phụ thuộc vào cung – cầu cổ phiếu tại thời điểm phát hành, mặt bằng định giá của nhóm cổ phiếu hạ tầng – tiện ích cũng như mức độ quan tâm của Nhà đầu tư đối với cổ phiếu ngành cấp nước và môi trường. Trong trường hợp điều kiện thị trường không thuận lợi hoặc giá cổ phiếu trên thị trường thấp hơn mức kỳ vọng, đợt chào bán có thể không thu hút đủ nhu cầu đăng ký mua, dẫn đến khả năng cổ phiếu phát hành thêm không được phân phối hết. Khi đó, số vốn huy động thực tế có thể thấp hơn kế hoạch, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư mở rộng công suất cấp nước có thể tác động đến kế hoạch tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ tăng lên, điều này sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu, cụ thể là giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu và thu nhập trên mỗi cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ thay đổi. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do số lượng cổ phiếu tăng lên trong khi doanh thu, lợi nhuận của Công ty chưa thể tăng tương ứng. Nhà đầu tư cần lưu ý đến rủi ro này, cụ thể như sau:

5.1. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm và ngược lại.

Ví dụ tham khảo:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm}}{\text{Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2025 (*)}} \\ \text{TDM tại thời điểm} &= \frac{2.584.815.387.082}{110.465.385} \\ \text{31/12/2025} &= 23.399 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

- (*) Trang 36 Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của TDM.
- Trong trường hợp TDM chào bán thành công toàn bộ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 11.110.000 cổ phiếu vào tháng 9/2026, tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán là 122.210.000 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ trong năm 2026 là 113.900.329 cổ phiếu.
- Giá trị hoạt động kinh doanh của TDM đạt được như kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua và ghi nhận Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026 là 225,975



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

tỷ đồng; Số vốn cổ phần tăng lên do chào bán thành công toàn bộ số cổ phần dự kiến là: 483.285.000.000 đồng, như vậy Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2026 dự kiến là 3.294.075.387.082 đồng;

- Giá định về sự thay đổi Giá trị sổ sách/cổ phiếu TDM tại thời điểm 31/12/2026 sau đợt chào bán như sau (Giá định này chỉ mang tính chất tham khảo, được xây dựng trên cơ sở các thông tin hiện có tại thời điểm lập Bản cáo bạch và không phải là cam kết hoặc bảo đảm về giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu thực tế của TDM tại ngày 31/12/2026):

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} & & \text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm} & & & & \\ \text{TDM tại thời điểm} & & \text{31/12/2026 (đồng)} & & & & \\ \text{31/12/2026 dự kiến} & = & & = & & & \\ & & \text{Tổng số cổ phiếu lưu hành bình} & & & & \\ & & \text{quân trong năm 2026} & & & & \\ & & & & & & \\ & = & & & & & \\ & & \text{28.921 đồng/cổ phiếu} & & & & \end{aligned}$$

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) Công ty sau khi chào bán

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu thì số lượng cổ phiếu sẽ tăng lên, trong khi tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận có thể chưa tăng kịp tương ứng. Điều này sẽ ảnh hưởng tới chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS).

EPS điều chỉnh sau khi phát hành cổ phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Ví dụ tham khảo:

$$\begin{aligned} \text{EPS năm 2025} & = & \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế năm 2025(*)}}{\text{Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2025}} & & & & \\ & & & & & & \\ & & \text{209.881.718.632- 16.790.537.491} & & & & \\ & = & & & & & \\ & & \text{110.465.385} & & & & \\ & = & & & & & \\ & & \text{1.748 đồng/cổ phiếu} & & & & \end{aligned}$$

- (*) Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đã được điều chỉnh giảm 16.790.537.491 đồng do dự kiến trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý với tỷ lệ 8% lợi nhuận sau thuế năm 2025;
- Trong trường hợp TDM chào bán thành công toàn bộ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 11.110.000 cổ phiếu vào tháng 9/2026, Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán là 122.210.000 cổ phiếu. Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ trong năm 2026 là 113.900.329 cổ phiếu.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Giá sử hoạt động kinh doanh của TDM đạt được như kế hoạch ĐHĐCD thường niên năm 2026 đã thông qua và ghi nhận Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026 là 225,975 tỷ đồng và dự kiến trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý với tỷ lệ 8% lợi nhuận sau thuế năm 2026 (Theo Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2026)
- Giá định về sự thay đổi EPS sau đợt chào bán như sau: (Giá định này chỉ mang tính chất tham khảo, được xây dựng trên cơ sở các thông tin hiện có tại thời điểm lập Bản cáo bạch và không phải là cam kết hoặc bảo đảm về chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần năm 2026):

$$\begin{aligned} \text{EPS năm 2026 dự kiến} &= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế năm 2026 dự kiến}}{\text{Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2026 dự kiến}} \\ &= \frac{225.975.500.000 - 18.078.000.000}{113.900.329} \\ &= 1.825 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

5.3. Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh sau pha loãng} = \frac{PR(t-1) + PR * I}{1 + I}$$

Trong đó:

- **PR(t-1)** là giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- **PR** là giá của cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu
- **I** là tỷ lệ tăng thêm của vốn điều lệ (số lượng cổ phiếu chào bán thêm/số lượng cổ phiếu ban đầu)

Ví dụ tham khảo:

- Giá sử tại ngày giao dịch không hưởng quyền giá cổ phiếu TDM là 58.000 đồng/cổ phiếu.

$$\begin{aligned} \text{Giá tham chiếu điều chỉnh sau pha loãng} &= \frac{58.000 + 43.500 * 10\%}{1 + 10\%} \\ &= 56.682 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đối với việc chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp tất cả cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua của mình, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ không thay đổi. Trường hợp các cổ đông từ chối thực hiện quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu và tỷ lệ biểu quyết của cổ đông đó sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ



mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với Công ty có thể phát sinh từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Rủi ro liên quan đến sự thay đổi, thiếu hụt hoặc gián đoạn nguồn nhân sự quản lý, điều hành chủ chốt. Hoạt động của Công ty trong lĩnh vực cấp nước và đầu tư hạ tầng kỹ thuật đòi hỏi đội ngũ quản lý có chuyên môn sâu, kinh nghiệm vận hành hệ thống cấp nước, quản lý đầu tư xây dựng, tài chính và pháp lý. Trong trường hợp xảy ra biến động nhân sự cấp cao, thay đổi cơ cấu quản trị hoặc thiếu hụt nguồn nhân sự có năng lực chuyên môn phù hợp, hoạt động điều hành, triển khai dự án và công tác quản lý vận hành có thể bị ảnh hưởng nhất định. Đồng thời, quá trình chuyển giao nhân sự quản lý cũng có thể làm phát sinh rủi ro gián đoạn trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh, kế hoạch đầu tư hoặc tiến độ triển khai các dự án trọng điểm của Công ty.

Rủi ro trong công tác quản lý, giám sát hoạt động đầu tư, vận hành hệ thống cấp nước và quản trị vốn đầu tư. Công ty hiện đang tham gia đầu tư, vận hành các công trình cấp nước, hệ thống đường ống truyền tải và thực hiện đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan. Quá trình triển khai và quản lý các dự án đầu tư có thể phát sinh các rủi ro về tiến độ thi công, chất lượng công trình, chi phí đầu tư tăng cao, thay đổi tổng mức đầu tư hoặc hiệu quả đầu tư không đạt như kỳ vọng. Bên cạnh đó, hoạt động vận hành hệ thống cấp nước đòi hỏi yêu cầu cao về kỹ thuật, an toàn vận hành và chất lượng nguồn nước. Nếu công tác quản lý, kiểm soát nội bộ hoặc giám sát vận hành không được thực hiện hiệu quả, Công ty có thể đối mặt với nguy cơ phát sinh sự cố kỹ thuật, thất thoát nước, gián đoạn cung cấp nước hoặc ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Với đội ngũ Ban quản trị và Ban kiểm soát giàu kinh nghiệm, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ cùng các quy định pháp luật có liên quan. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các bộ phận chuyên môn thường xuyên phối hợp giám sát, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được vận hành an toàn, minh bạch và hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ ban điều hành và cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực cấp nước và đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Công ty đã và đang triển khai nhiều dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, tuyến ống truyền tải và đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp cùng ngành nhằm nâng cao năng lực cung cấp nước và hiệu quả hoạt động trong dài hạn.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. **“Bản cáo bạch”**: Tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.
2. **“Cổ phiếu”**: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
3. **“Cổ đông”**: Cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
4. **“Cổ tức”**: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
5. **“Điều lệ Công ty”**: Điều lệ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
6. **“Đại hội đồng cổ đông”**: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
7. **“Hội đồng quản trị”**: Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
8. **“Ban kiểm soát”**: Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
9. **“Ban điều hành”**: Ban điều hành của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
10. **“Vốn điều lệ”**: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ
11. **“Tổ chức phát hành”**: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
12. **“Tổ chức tư vấn”**: Công ty Cổ phần Chứng khoán UP
13. **“Tổ chức kiểm toán”**: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
14. Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:
 - **BCTC** Báo cáo tài chính
 - **BKS** Ban kiểm soát
 - **BWE/BIWASE** Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương
 - **CBNV** Cán bộ nhân viên
 - **Công ty** Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
 - **CPI** Chỉ số giá tiêu dùng
 - **CTCP** Công ty cổ phần
 - **ĐHĐCĐ** Đại hội đồng cổ đông
 - **GDP** Tổng sản phẩm quốc nội
 - **Giấy CNĐKDN** Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**


▪ GTCL	Giá trị còn lại
▪ HĐQT	Hội đồng quản trị
▪ HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ KTT	Kế toán trưởng
▪ LNST	Lợi nhuận sau thuế
▪ MTV	Một thành viên
▪ NG	Nguyên giá
▪ TGD	Tổng Giám đốc
▪ Thuế TNCN	Thuế Thu nhập cá nhân
▪ Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
▪ TMCP	Thương mại Cổ phần
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TP	Thành phố
▪ TV HĐQT	Thành viên Hội đồng quản trị
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ VDL	Vốn điều lệ
▪ VND	Đồng Việt Nam
▪ VSDC	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: THU DAU MOT WATER JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TDMWATER.CO
- Logo của Công ty: 
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11B, đường Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (0274) 3842255 - 842277
- Số fax: (0274) 3841838
- Website: <https://tdmwater.vn/>
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Trí – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Giấy CNĐKDN: Số 3702226772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/11/2013 và Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 27/08/2025
- Vốn điều lệ: 1.111.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn một trăm mười một tỷ đồng)
- Mã cổ phiếu: TDM
- Sàn niêm yết: HOSE
- Ngành nghề kinh doanh:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất	3600 (Chính)
2	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước	3700
3	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán lẻ vật tư ngành nước	4799
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn vật tư ngành nước	4669
5	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng	4321



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
10	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ tư vấn về môi trường	7490
11	Xây dựng nhà để ở	4101
12	Xây dựng nhà không để ở	4102
13	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường	7120
14	Xây dựng công trình điện	4221
15	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế cấp thoát nước; - Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật; - Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình	7110
16	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17	Xây dựng công trình thủy	4291
18	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
19	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
20	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước	4322
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một)



2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thông tin chung

Công ty được thành lập ngày 07 tháng 11 năm 2013 với mục tiêu khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch sinh hoạt, xây dựng các công trình công ích, bán vật tư ngành nước...

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi Công ty thành lập đến nay

2013	Ngày 07/11/2013 thành lập mới CTCP Nước Thủ Dầu Một hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp.
2014	CTCP Nước Thủ Dầu Một được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An), công suất 45.000m ³ /ngày đêm theo quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 10/10/2011 của UBND tỉnh Bình Dương đến tháng 09/2014 nhà máy hoàn thành đưa vào sử dụng sau gần 9 tháng thi công. Tháng 10/2014 Giai đoạn 1: Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một công suất 45.000 m ³ /ngày đêm chính thức đi vào hoạt động.
2015 - 2016	Sau 3 tháng đi vào hoạt động, công suất nhà máy đạt 80%, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục triển khai khởi công giai đoạn 2: Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng (NMN Dĩ An) công suất 45.000m ³ /ngày đêm, nâng tổng công suất lên 90.000m ³ /ngày đêm đưa vào khai thác sử dụng tháng 10/2015. Giai đoạn từ khi thành lập đến khi hoàn thành giai đoạn 2 Nhà máy Nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng Công ty có vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng tăng lên thành 300 tỷ đồng. Ngày 08/03/2016, CTCP Nước Thủ Dầu Một được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng. Ngày 21/03/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán lần đầu với tổng số 30.000.000 cổ phiếu và chính thức đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 01/04/2016 với mã chứng khoán TDM, đánh dấu bước phát triển mới của Công ty.
2017	Sau quá trình thăm dò và nghiên cứu tiềm năng nhu cầu phát triển của Khu đô thị Công nghiệp Bàu Bàng, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tiềm năng phát triển là rất lớn nên đã quyết định đầu tư dự án cấp nước Khu vực Bàu Bàng công suất 60.000m ³ /ngày đêm. Giai đoạn 1 công suất 30.000m ³ /ngày đêm, bao gồm các hạng mục xây dựng trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô và nhà máy xử lý. Nhà máy Nước Bàu Bàng giai đoạn 1 chính thức được đưa vào vận hành ngày 17/02/2017 07/2017, Công ty phát hành thành công thêm 30.259.482 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ thực góp lên 650 tỷ đồng.
2018	Ngày 05/10/2018 Công ty chào đón một sự kiện quan trọng đánh dấu một giai đoạn phát triển mới là cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 397/QĐ-SGDHCM ngày 05/10/2018 Trong năm 2018 công ty phát hành tăng V&L từ 650 tỷ đồng thành 812 tỷ đồng



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

2019	<p>Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 812 tỷ đồng lên thành 957 tỷ đồng thông qua hình thức đấu giá công khai và Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư.</p> <p>Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Khu vực Nam Bình Dương, Hội đồng quản trị Công ty quyết định đầu tư Dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Dĩ An lên thêm 100.000m³/ngày đêm”. Động thổ vào tháng 01/2019 và công trình cơ bản hoàn thành chuẩn bị vận hành thử vào tháng 12/2019.</p>
2020	<p>Dự án “Nâng công suất Nhà máy nước Dĩ An lên thêm 100.000m³/ngày đêm”, nâng tổng công suất lên 200.000m³/ngày đêm và được hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng tháng 01/2020.</p> <p>Triển khai thi công dự án HTCN Khu vực Bàu Bàng giai đoạn II, nâng công suất thêm 30.000m³/ngày đêm. Hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 12/2020.</p> <p>Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng vốn điều lệ từ 957 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.</p>
2022	<p>Đầu tư dự án: Hệ Thống Cấp Nước Khu Vực Bàu Bàng Huyện Bàu Bàng – Tỉnh Bình Dương. Hệ thống dẫn nước từ Kênh Phước Hòa đến trạm bơm nước thô – Tuyến ống dẫn nước thô D2500mm. Khởi công ngày 16/02/2022 và hoàn thành đưa vào sử dụng vào ngày 16/05/2023 (15 tháng). Dự án được đưa ngay vào khai thác sau khi hoàn thành.</p>
2024	<p>Công ty chào bán thêm 10.000.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng.</p>
2025	<p>Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 1.111 tỷ đồng.</p>

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

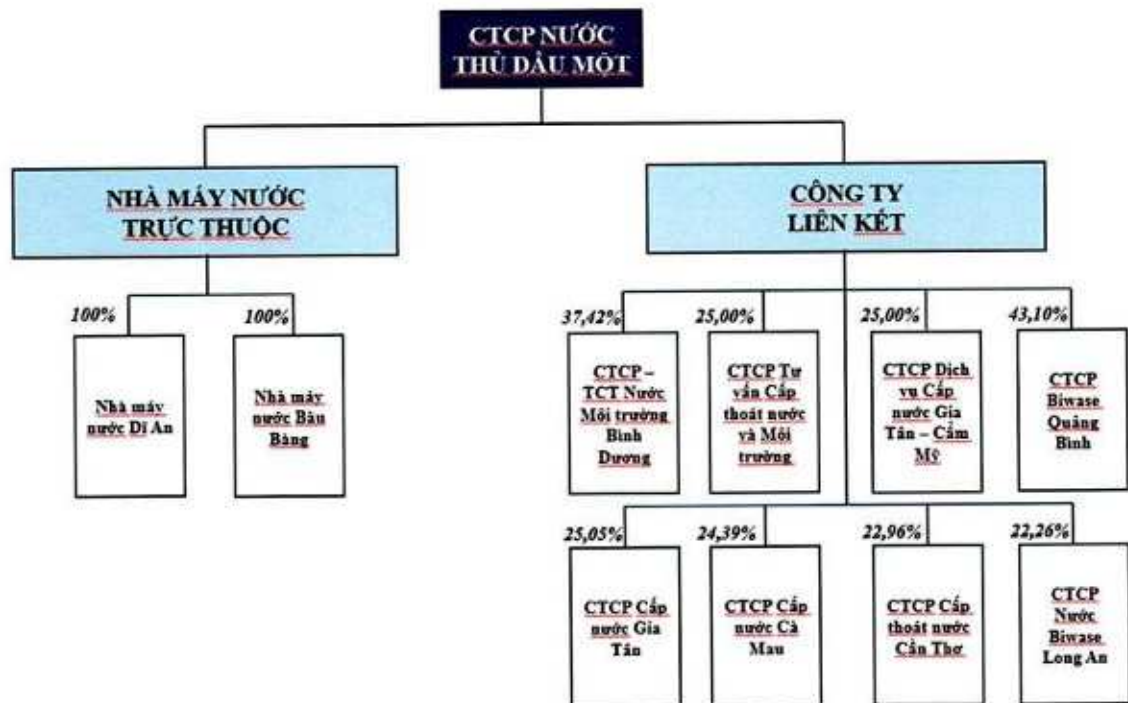


3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành

CTCP Nước Thủ Dầu Một đóng vai trò là đơn vị đầu tư và quản lý vận hành trực tiếp các nhà máy nước trực thuộc, không thông qua sở hữu bất kỳ công ty con nào. Bên cạnh đó, TDM mở rộng hoạt động kinh doanh bằng cách đầu tư vào các công ty liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực.

Tại thời điểm hiện tại, TDM có 08 công ty liên kết đang hoạt động. Cơ cấu tổ chức của CTCP Nước Thủ Dầu Một và các công ty liên kết được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của TDM)

Ghi chú: Tỷ lệ tại các công ty liên kết trong sơ đồ là tỷ lệ lợi ích của TDM

Thông tin về các Công ty liên kết của TDM:

STT	Công ty liên kết
1	<p>Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (BWE)</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày thành lập: 07/02/2006 ▪ GCN ĐKDN: số 3700145694 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 18/07/2025 do Sở Tài chính TP.HCM cấp ▪ Địa chỉ: 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. ▪ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước sạch; xử lý chất thải và nước thải.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

STT	Công ty liên kết														
	<ul style="list-style-type: none">Vốn điều lệ: 2.199.286.440.000 đồngTình hình vốn góp: đã góp đủ.Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại BWE: <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>37,42%</td><td>37,42%</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>37,42%</td><td>37,42%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>37,42%</td><td>37,42%</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	37,42%	37,42%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí	Năm 2025	37,42%	37,42%	Hiện tại	37,42%	37,42%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2024	37,42%	37,42%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2025	37,42%	37,42%													
Hiện tại	37,42%	37,42%													
2	<p>Công ty cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường</p> <ul style="list-style-type: none">Ngày thành lập: 28/12/2006GCN ĐKDN: số 0300394676 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 23/03/2024Địa chỉ: 10 Phở Quang, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí MinhHoạt động kinh doanh chính: Tư vấn giám sát công trình xây dựng; Khảo sát địa hình địa chất xây dựng công trình; Thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình; Chế tạo thiết bị dùng để thi công công trình;...Vốn điều lệ: 8.000.000.000 đồngTình hình vốn góp: đã góp đủTỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại WASE <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>25%</td><td>25%</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>25%</td><td>25%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>25%</td><td>25%</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	25%	25%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí	Năm 2025	25%	25%	Hiện tại	25%	25%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2024	25%	25%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2025	25%	25%													
Hiện tại	25%	25%													
3	<p>Công ty cổ phần Dịch vụ cấp nước Gia Tân – Cẩm Mỹ</p> <ul style="list-style-type: none">Ngày thành lập: 01/08/2022GCN ĐKDN: số 3603879851 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/08/2022.Địa chỉ: Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mơ 3, xã Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nướcVốn điều lệ: 60.000.000.000 đồngTình hình vốn góp: đang gópTỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>25%</td><td>25%</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>25%</td><td>25%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>25%</td><td>25%</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	25%	25%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí	Năm 2025	25%	25%	Hiện tại	25%	25%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2024	25%	25%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2025	25%	25%													
Hiện tại	25%	25%													
4	<p>Công ty Cổ phần Biwase Quảng Bình</p> <ul style="list-style-type: none">Ngày thành lập: 07/10/2020														



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

STT	Công ty liên kết															
	<ul style="list-style-type: none">▪ GCN ĐKDN: số 3101091785 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 07/10/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05 tháng 3 năm 2026 do Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị cấp.▪ Địa chỉ: Thôn Tùng Giang, xã Hòa Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.▪ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước, mua bán vật tư ngành nước, xây dựng công trình kỹ thuật, ...▪ Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng▪ Tình hình vốn góp: đã góp đủ▪ Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>42,30%</td><td>42,30%</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>43,10%</td><td>43,10%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>43,10%</td><td>43,10%</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	42,30%	42,30%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí	Năm 2025	43,10%	43,10%	Hiện tại	43,10%	43,10%	
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú													
Năm 2024	42,30%	42,30%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí													
Năm 2025	43,10%	43,10%														
Hiện tại	43,10%	43,10%														
5	<p>Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Ngày thành lập: 01/11/2016▪ GCN ĐKDN: số 3603417695 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/11/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 24 tháng 03 năm 2026.▪ Địa chỉ: Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mơ 3, xã Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.▪ Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước, mua bán vật tư ngành nước, xây dựng công trình kỹ thuật,...▪ Vốn điều lệ: 637.812.500.000 đồng.▪ Tình hình vốn góp: đã góp đủ▪ Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại GIWACO <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>23,80%</td><td>23,80%</td><td rowspan="2">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>25,05%</td><td>25,05%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>24,86%</td><td>24,86%</td><td>Cập nhật đến ngày thực hiện Bản cáo bạch</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	23,80%	23,80%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí	Năm 2025	25,05%	25,05%	Hiện tại	24,86%	24,86%	Cập nhật đến ngày thực hiện Bản cáo bạch
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú													
Năm 2024	23,80%	23,80%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí													
Năm 2025	25,05%	25,05%														
Hiện tại	24,86%	24,86%	Cập nhật đến ngày thực hiện Bản cáo bạch													
6	<p>Công ty Cổ phần Cấp nước Cà Mau</p> <ul style="list-style-type: none">▪ Ngày thành lập: 06/11/1992▪ GCN ĐKDN: số 2000101918 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 06/11/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03/11/2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp▪ Địa chỉ: Số 204, đường Quang Trung, khóm 26, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.▪ Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch															



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

STT	Công ty liên kết														
	<ul style="list-style-type: none">Vốn điều lệ: 155.349.000.000 đồng.Tình hình vốn góp: đã góp đủTỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại CAWACO <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>24,39%</td><td>24,39%</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>24,39%</td><td>24,39%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>24,39%</td><td>24,39%</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	24,39%	24,39%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí	Năm 2025	24,39%	24,39%	Hiện tại	24,39%	24,39%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2024	24,39%	24,39%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2025	24,39%	24,39%													
Hiện tại	24,39%	24,39%													
7	<p>Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ</p> <ul style="list-style-type: none">Ngày thành lập: 28/06/2004GCN ĐKDN: số 1800155244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 28/06/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 06/08/2025 do Sở Tài chính TP.Cần Thơ cấpĐịa chỉ: 2A, Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và cung cấp nước, mua bán vật tư ngành nước, xây dựng công trình kỹ thuật, ...Vốn điều lệ: 280.000.000.000 đồngTình hình vốn góp: đã góp đủTỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM tại CANTHOWASSCO <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>22,96%</td><td>22,96%</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>22,96%</td><td>22,96%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>22,96%</td><td>22,96%</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	22,96%	22,96%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí	Năm 2025	22,96%	22,96%	Hiện tại	22,96%	22,96%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2024	22,96%	22,96%	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán 2025 đã bao gồm thuế phí												
Năm 2025	22,96%	22,96%													
Hiện tại	22,96%	22,96%													
8	<p>Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An</p> <ul style="list-style-type: none">Ngày thành lập: 02/12/2015GCN ĐKDN: số 1101806214 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 02/12/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/11/2025 do Sở Tài chính tỉnh Tây Ninh cấpĐịa chỉ: Ấp 7, xã Thủ Thừa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước, mua bán vật tư ngành nước, xây dựng công trình kỹ thuật,...Vốn điều lệ: 966.000.000.000 đồngTình hình vốn góp: đã góp đủTỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của TDM <table border="1"><thead><tr><th>Thời điểm</th><th>Tỷ lệ sở hữu/ VĐL</th><th>Tỷ lệ quyền biểu quyết</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>Năm 2024</td><td>-</td><td>-</td><td rowspan="3">Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán</td></tr><tr><td>Năm 2025</td><td>22,26%</td><td>22,26%</td></tr><tr><td>Hiện tại</td><td>22,26%</td><td>22,26%</td></tr></tbody></table>	Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú	Năm 2024	-	-	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán	Năm 2025	22,26%	22,26%	Hiện tại	22,26%	22,26%
Thời điểm	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ghi chú												
Năm 2024	-	-	Giá trị đầu tư tại BCTC kiểm toán												
Năm 2025	22,26%	22,26%													
Hiện tại	22,26%	22,26%													



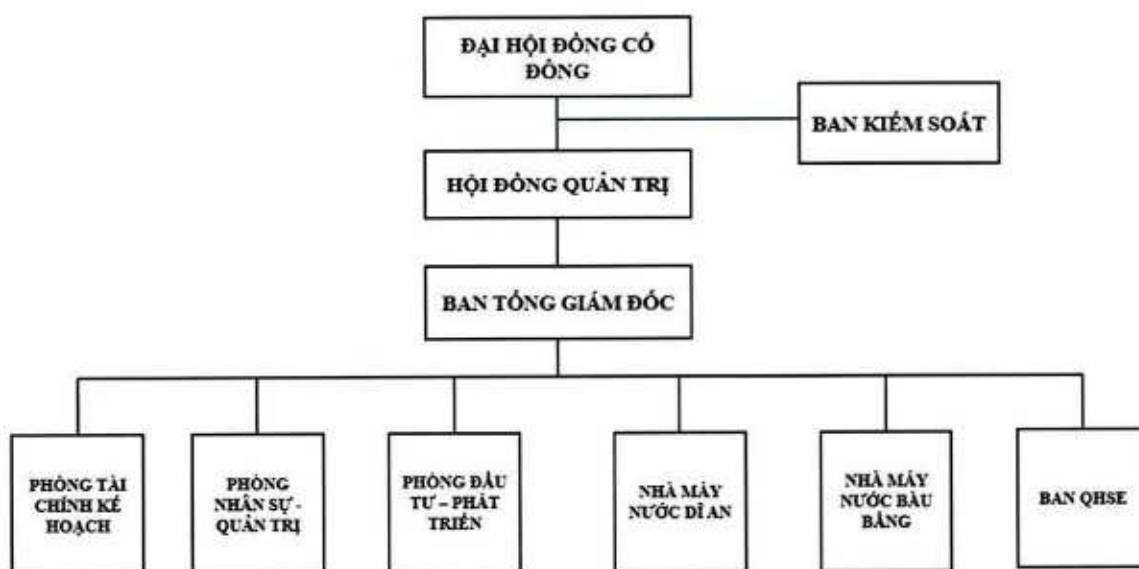
BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

STT	Công ty liên kết			
				2025 đã bao gồm thuế phí

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

Biểu đồ 4: Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

Diễn giải:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức ít nhất một năm một lần. ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại HĐQT của CTCP Nước Thủ Dầu Một có 05 thành viên không điều hành (có 01 thành viên HĐQT độc lập).

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đoàn Minh Thiện	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)
3	Ông Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên HĐQT độc lập
4	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)
5	Ông Đặng Văn Pháp	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành)

❖ Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và BCTC của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên.

Ban Kiểm soát có quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Đề xuất lựa chọn kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và những vấn đề liên quan.
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về tính pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
- Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm của Công ty.
- Thảo luận về những khó khăn tồn tại, phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như những vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty.
- Xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.

Bảng 3: Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Trịnh Đình Tùng	Thành viên Ban kiểm soát



❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc có quyền và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các Hợp đồng/Giao dịch mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty.
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng Người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản liên quan đến Hợp đồng lao động của họ.
- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

Bảng 4: Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Duy Khang	Kế toán trưởng

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các kế hoạch Sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty có các phòng ban chức năng như: Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Nhân sự - Quản trị, Phòng Đầu tư – Phát triển, Nhà máy Nước Dĩ An, Nhà máy Nước Bàu Bàng và Ban Chất lượng, An toàn, Môi trường và Xã hội.

➤ **Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Lập các báo cáo tài chính và quyết toán tài chính theo quy định. Báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc kết quả sản xuất kinh doanh của Toàn Công ty và các bộ phận trực thuộc theo tháng, quý, bán niên, năm để giúp Ban Tổng Giám đốc nắm chắc nguồn vốn, lãi, lỗ và các tình hình tài chính của Công ty
- Lập kế hoạch tài chính năm, cân đối nguồn vốn.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc phát triển sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm quản lý vốn, thu hồi vốn.
 - Tham gia tính toán hiệu quả các chương trình đầu tư của công ty để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc.
 - Giám sát, hướng dẫn và đôn đốc về mặt nghiệp vụ tài chính đối với các bộ phận trực thuộc.
 - Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty.
 - Tổ chức hạch toán, kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng luật kế toán thống kê của Nhà nước.
 - Tổ chức thu hồi công nợ đạt hiệu quả tốt nhất.
 - Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty.
 - Lập kế hoạch, trình và tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Đề xuất phương án kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
 - Tổ chức thực hiện phương án và tìm kiếm thị trường cho từng loại hình kinh doanh.
 - Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng theo từng lĩnh vực kinh doanh.
 - Lập kế hoạch tổ chức thực hiện tìm các dự án, phối hợp cùng Phòng Đầu tư – Phát triển tính toán và tham gia dự thầu các dự án phù hợp với chức năng hoạt động của Công ty.
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về tình hình thị trường liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nghiên cứu thị trường, đề xuất để mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty.
 - Lập kế hoạch – lên báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ. Giúp Ban Tổng Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các biện pháp để hoàn thành kế hoạch đề ra.
 - Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh và có quyền có ý kiến trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty
- **Phòng Nhân sự – Quản trị**
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy của Công ty, bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.
 - Quản lý các tài sản khác ngoài Nhà máy Nước.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ ĐÀU MỘT**

- Tham mưu soạn thảo nội quy/ thỏa ước của Công ty, đồng thời theo dõi, rà soát việc thực hiện nội quy/ các thỏa ước được duyệt, thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, vệ sinh lao động của Công ty và các bộ phận trực thuộc; kết hợp công tác đối ngoại và phối hợp với các bộ phận, đơn vị có liên quan để thực hiện các công tác này.
- Thực hiện và xây dựng các kế hoạch hội họp, xây dựng lịch công tác của Công ty theo từng tháng, chuẩn bị địa điểm, tài liệu về các cơ sở vật chất khác cho các cuộc hội họp của Công ty. Trực tiếp ghi biên bản, hoàn chỉnh và trình ký đồng thời triển khai nội dung đến các bộ phận lưu giữ.
- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, an ninh và các công tác khác, được phát biểu ý kiến trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch công nhân viên toàn Công ty, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về quy hoạch cán bộ, xây dựng các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên; tiếp nhận hồ sơ xin việc, nghiên cứu tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về việc đề bạt, phân công cán bộ quản lý của Công ty và các bộ phận trực thuộc theo phân cấp.
- Quản lý lao động tiền lương của cán bộ công nhân viên, phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch xây dựng Tổng Quỹ lương và phân bổ quỹ lương, tiền thưởng Công ty và các bộ phận trực thuộc.
- Quản lý cổ đông, theo dõi biến động sở hữu cổ phần.
- Thực hiện các thủ tục chốt danh sách cổ đông, trả cổ tức.
- Thực hiện hồ sơ tăng vốn điều lệ của công ty (nếu có), làm việc với các công ty tư vấn chứng khoán.
- Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Lập các báo cáo thường niên, báo cáo quản trị 6 tháng/năm, báo cáo cổ đông lớn theo quý.
- Thực hiện các hoạt động như tổ chức Đại hội đồng cổ đông, gặp gỡ nhà đầu tư.
- Quản trị tuân thủ chứng khoán, theo dõi giao dịch nội bộ, giao dịch người có liên quan để đảm bảo Công ty không vi phạm quy định về công bố thông tin.
- Quản lý hồ sơ pháp lý liên quan, lưu trữ các văn bản: Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, Hồ sơ phát hành niêm yết.
- Theo dõi các thay đổi về điều lệ công ty, vốn điều lệ.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BẢN THÊM CÓ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

➤ **Phòng Đầu tư – Phát triển**

- Lập và theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng giao nhận thầu thi công, các hợp đồng liên doanh, liên kết, các hợp đồng giao việc trong nội bộ Công ty.
- Tổ chức thực hiện hoặc thuê các đơn vị có chức năng thiết lập: dự toán, hồ sơ pháp lý liên quan đến các dự án và các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo đúng quy định hiện hành về xây dựng cơ bản; lập trình duyệt các dự án đầu tư, quyết định giao đất, giấy phép xây dựng, giấy phép khai thác nước mặt.
- Nghiên cứu, đề xuất các phương án kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật có hiệu quả cao nhất trong đầu tư.
- Tổ chức thực hiện hoặc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc chọn đơn vị tư vấn về quản lý xây dựng, khảo sát thiết kế, giao nhận và tổ chức thi công các công trình đầu tư của Công ty.
- Khảo sát thiết kế, lập dự toán cho các công trình, hạng mục công trình xây lắp, điện nước, trang thiết bị thuộc các dự án đầu tư của Công ty.
- Kiểm tra hồ sơ thiết kế, dự toán, giám sát kỹ thuật thi công, quyết toán, hoàn công của các hạng mục, công trình đầu tư của Công ty.
- Quản lý chất lượng công trình, lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng hạng mục công trình; đề xuất với Ban Tổng Giám đốc các biện pháp kỹ thuật đối với các sự cố trong quá trình thi công.
- Tổ chức nghiệm thu, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.
- Chịu trách nhiệm trong công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến công nghệ trong lĩnh vực thi công, lĩnh vực trang thiết bị, công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Quản lý, lưu trữ và phổ biến các hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ máy móc thiết bị, quy trình vận hành và các hồ sơ khác có liên quan.
- Tiếp nhận chuyển giao và quản lý các quy trình vận hành thiết bị, công nghệ sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.
- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và được phát biểu ý kiến về mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ **Ban Chất lượng – An toàn – Môi trường và Xã hội (QHSE)**

- Góp phần trong việc cung cấp nơi làm việc an toàn và lành mạnh, có tính đến các yếu tố rủi ro, và các mối nguy hiểm trong khu vực làm việc và thực hiện các bước để ngăn ngừa tai nạn, bệnh tật phát sinh, xảy ra trong quá trình làm việc.
- Bằng các giải pháp hạn chế để giảm thiểu cho đến chừng mực hợp lý, các nguyên nhân của mỗi nguy hiểm phù hợp với quy định của pháp luật.
- Đào tạo công nhân, lưu tài liệu và báo cáo các sự cố lao động, chuẩn bị và tổ chức ứng phó, cấp cứu kịp thời.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Quản lý, triển khai và liên tục cập nhật hồ sơ ISO của Công ty.
 - **Các Nhà máy nước**

Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung trong việc quản lý Nhà máy Nước Dĩ An và Nhà máy Nước Bầu Bàng, cụ thể:
 - Đảm bảo số lượng và chất lượng nước cung cấp qua đồng hồ tổng cho Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương.
 - Thường xuyên kiểm tra giám sát chất lượng nguồn nước.
 - Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc thiết bị để kịp thời phát hiện sự cố và sửa chữa, khắc phục, bảo trì.
 - Đảm bảo công tác vệ sinh công nghiệp (máy phát, phòng bơm, hồ chứa nước, họng thu, bể xử lý...).
 - Đề xuất, kiểm tra, quản lý, giữ an ninh và an toàn nhà máy, tài sản.
 - Sử dụng phương pháp tiết kiệm năng lượng, hóa chất, nhân công,...
 - Nghiên cứu, khắc phục, xử lý và báo cáo.
 - Cập nhật các thông số vận hành từng ngày bằng hệ thống phần mềm SCADA và chuyển dữ liệu về Văn phòng Công ty.
 - Tổ chức và điều hành toàn bộ các hoạt động của nhà máy.
 - Xây dựng kế hoạch sản xuất và tổng hợp thiết bị dự phòng, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị.
 - Kiểm tra đôn đốc nhân sự làm việc tại nhà máy.
 - Chịu trách nhiệm trước Ban Điều hành về hoạt động của Nhà máy nước.
 - Thường xuyên nghiên cứu, học hỏi các công nghệ mới để áp dụng.
 - Quản lý hoạt động Nhà máy Nước Dĩ An: đảm bảo cung cấp nước liên tục cho khu vực Nam Thủ Dầu Một và các vùng lân cận.
 - Giám sát hoạt động Nhà máy Nước Bầu Bàng: đảm bảo cung cấp nước liên tục cho khu vực huyện Bầu Bàng tỉnh Bình Dương cũ và các vùng lân cận.
- + Trạm bơm nước thô: Phó Quản đốc chịu trách nhiệm quản lý tất cả các công trình, hạng mục thuộc cụm nước thô; Quản lý, vận hành, kiểm tra theo dõi tất cả các thiết bị máy móc tại Trạm bơm; Quản lý, chăm sóc, cây xanh của Trạm bơm và tài sản khác thuộc phạm vi Trạm bơm;



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ ĐẦU MỘT**

Kiểm tra, theo dõi, vệ sinh tuyến ống nước thô D1800 từ kênh Phước Hòa đến hồ chứa trạm nước thô; Giữ gìn vệ sinh khu vực phía ngoài họng thu kênh Phước Hòa...

+ Nhà máy xử lý nước sạch: Quản đốc chịu trách nhiệm quản lý tất cả các công trình, hạng mục thuộc Nhà máy xử lý; Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước nguồn, chất lượng nước sau xử lý; Nghiên cứu đưa ra các chỉ tiêu để xác định lượng hóa chất hợp lý nhất, các quy trình vận hành tiết kiệm và hiệu quả; Báo cáo tuần, tháng, hóa chất, nhiên liệu; Dự báo được tình trạng vận hành của từng hạng mục; Nắm bắt được các thông số vận hành của các máy móc thiết bị có liên quan; Thường xuyên theo dõi bảo trì các thiết bị có liên quan (các thiết bị đo Online, thí nghiệm, ...) tránh các sự cố xảy ra; Theo dõi, giám sát chất lượng nước thô (Trạm bơm nước thô) quá trình xử lý nước (ca sản xuất); Theo dõi SCADA liên tục; Đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đúng tiêu chuẩn.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại.

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành; Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Công ty con; Những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tại thời điểm thành lập ngày 07/11/2013, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 (Hai trăm tỷ) đồng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện 09 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, và Công ty không thực hiện bất kỳ một đợt giảm vốn điều lệ nào.

Vốn điều lệ hiện nay là 1.111.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm mười một tỷ đồng), tương ứng 111.100.000 cổ phiếu. Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Stt	Thời gian thực hiện	VĐL trước khi thay đổi (Tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng/giảm (Tỷ đồng)	VĐL sau khi thay đổi (Tỷ đồng)	Hình thức tăng/ giảm VĐL	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	Năm 2013	-	-	200	Góp vốn thành lập	- GCN ĐKDN cấp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/11/2013	Không có



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Stt	Thời gian thực hiện	VDL trước khi thay đổi (Tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng/giảm (Tỷ đồng)	VDL sau khi thay đổi (Tỷ đồng)	Hình thức tăng/ giảm VDL	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
2	Tháng 09/2014 - 04/2015	200	40	240	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 5:1	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 23/ĐHĐCĐ-NQ ngày 15/02/2014 - Nghị quyết số 83/ĐHĐCĐ-NQ ngày 23/12/2014	Không có
3	Tháng 12/2015	240	60	300	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 4:1	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 04/ĐHĐCĐ-NQ ngày 15/05/2015	Không có
Sau khi trở thành Công ty Đại Chúng							
4	Tháng 09/2016	300	47,81	347,81	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu (*)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02A/ĐHĐCĐ-NQ ngày 01/03/2016	Không có
5	Tháng 07/2017	347,81	302,59	654,40	Phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2017 - Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2017 - GCN chào bán chứng khoán số 23/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/6/2017. - GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/09/2017.	Không có
6	Tháng 01/2018	650,40	161,59	812	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (3.159.504 cổ phiếu) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ (13.000.000 cổ phiếu)	- Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường lần 2 số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/11/2017 - Công văn số 8457/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 19/12/2017 Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, - Công văn số 8673/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 29/12/2017 về Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ - Công văn số 609/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 23/01/2018 báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. - GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 05/02/2018	Không có
7	Tháng 06/2019	812	145	957	Chào bán cổ phiếu ra công chúng qua	- Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường số 40/NQ- ĐHĐCĐ ngày 19/10/2018.	Không có



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Stt	Thời gian thực hiện	VDL trước khi thay đổi (Tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng/giảm (Tỷ đồng)	VDL sau khi thay đổi (Tỷ đồng)	Hình thức tăng/ giảm VDL	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
					đấu giá công khai (9.500.000 cổ phiếu) Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	- GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và riêng lẻ số 20/GCN-UBCK ngày 02/4/2019.	
8	Tháng 08/2020	957	43	1.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	- Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 15/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/3/2020. - Công văn số 5407/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 07/09/2020 báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP của TDM. GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 01/10/2022.	Không có
9	Tháng 02/2024	1.000	100	1.100	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2023. - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 426/GCN-UBCK ngày 11/12/2023. - Công văn số 1658/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 14/03/2024 báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của TDM. - GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp 03/04/2024.	Không có
10	Tháng 07/2025	1.100	11	1.111	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn cho CBCNV (ESOP)	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2025. - Công văn số 3928/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 30/07/2025 báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của TDM. - GCN ĐKDN thay đổi lần thứ 11 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp 27/08/2025.	Không có

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

(*) Đợt tăng vốn này dựa trên Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 02A/ĐHCD-NQ để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cho dự án Nhà máy nước Bàu Bàng. Tuy nhiên, đến ngày 08/03/2016, Công ty trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 1046/UBCK-GSĐC ngày 08/03/2016 về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán. Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một nhận thấy việc phát hành trên là chưa đủ điều kiện do không đăng ký với UBCKNN. Do vậy, theo Nghị quyết của HĐQT số 25/NQ-HĐQT ngày 07/12/2016, HĐQT đã phê duyệt việc hoàn trả



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

tiền vốn góp cho các cổ đông tương ứng với phần tăng thêm 47.810.143.750 đồng (bao gồm cả phí chuyển tiền phát sinh do cổ đông thực hiện chuyển nhượng). Ngày 07/12/2016, Công ty đã phát hành thông báo số 194/TB-CPNTDM để thực hiện việc hoàn trả vốn góp trên cho các cổ đông. Tuy nhiên, đến hết thời gian hoàn trả theo thông báo trên, không có cổ đông nào yêu cầu hoàn trả lại tiền vốn đã góp. Công ty ghi nhận vốn góp tương ứng tăng thêm vào vốn điều lệ của Công ty. Do đó, Công ty đã ghi nhận tăng thêm vốn điều lệ theo đúng số tiền nhận được. Vì những lý do trên nên vốn điều lệ của công ty phát sinh là 3.750 (Ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Ngày 11/01/2017, UBCKNN ra Quyết định số 28/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và TTCK đối với Công ty trong việc phát hành chứng khoán ra công chúng nhưng không đăng ký với UBCKNN khi Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 347,81 tỷ đồng trong giai đoạn từ 01/12/2015 đến 30/09/2016. Hình thức xử phạt hành chính là phạt tiền mặt. Công ty đã hoàn thành triển khai Quyết định trên và đã thanh toán tiền vi phạm.

Việc tăng vốn của Công ty đã được thuyết minh chi tiết tại các báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm. Các đơn vị thực hiện kiểm toán các báo cáo này đã chấp thuận và không có ý kiến về việc các lần tăng vốn của Công ty

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổ chức phát hành tại thời điểm thực hiện.

Stt	Doanh nghiệp	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2024	Giá trị vốn góp / thoái vốn trong năm	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2025	Phương thức thực hiện	Thời điểm
1	Công ty cổ phần Nước Biwase Long An	0	346.055.833.000	346.055.833.000	(*)	16/06/2025

(*) Theo nghị quyết số 56/NQ-HĐQT ngày 16/06/2025, thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty CP - Tổng công ty Nước - Môi trường Bình Dương để nhận chuyển nhượng 20.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Nước Biwase Long An theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 18/2025/HĐCNCP/BIWASE ngày 18/06/2025. Ngày 05/08/2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng số cổ phần này.

Ngày 05/11/2025, Công ty thực hiện mua 1.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Nước Biwase Long An từ bà Trương Thị Thu Hương căn cứ theo Nghị quyết số 77/NQ-HĐQT ngày 31/10/2025 với tổng số tiền 24.000.000.000 VND. Tới thời điểm hiện tại, Công ty đang nắm giữ 21.500.000 cổ phần chiếm 22,26% tổng số cổ phần của Công ty Cổ phần Nước Biwase Long An.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành 111.100.000 cổ phiếu;



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 111.100.000 cổ phiếu;

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;

Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành (theo mệnh giá): 1.111.000.000.000 đồng.

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 10/02/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	631	109.681.492	98,72
1.1	Tổ chức	17	47.064.142	42,36
1.2	Cá nhân	614	62.617.350	56,36
2	Nước ngoài	53	1.418.508	1,28
2.1	Tổ chức	16	987.163	0,89
2.2	Cá nhân	37	431.345	0,39
2.3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	684	111.100.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 10/02/2026 do VSDC cung cấp)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi:

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác:

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

📌 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật:

- Theo quy định pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.

📌 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ:

- Đại hội đồng cổ đông của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài.
- Điều lệ của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài.

📌 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại:

- Theo Văn bản số 3434/UBCK-PTTT ngày 06/06/2022 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

- Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một ngày 10/02/2026 do VSDC cung cấp, cổ đông nước ngoài sở hữu 1.418.508 cổ phiếu, chiếm 1,28% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào sản xuất nước sạch cung cấp cho Khu vực Nam Thủ Dầu Một (tỉnh Bình Dương trước đây) thông qua kênh phân phối bán sỉ cho Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương qua đồng hồ tổng.

Hiện nay công ty đang có 02 nhà máy nước bao gồm Nhà máy Nước Dĩ An công suất 200.000m³/ngày đêm và Nhà máy Nước Bầu Bàng công suất 30.000m³/ngày đêm.

a. Nhà máy Nước Dĩ An (Dự án cấp nước mở rộng Nam Thủ Dầu Một) với Tổng công suất 200.000m³/ngày đêm.

Nhà máy Nước Dĩ An được khai thác từ nguồn nước sông Đồng Nai dẫn về nhà máy để xử lý theo Giấy phép khai thác nước số 08/GP-UBND ngày 29/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Nhà máy được khởi công vào ngày 17/02/2014, hoàn thành đưa vào vận hành tháng 9/2014 với công suất 45.000m³/ngày đêm (giai đoạn 1).

Theo địa giới hành chính cũ, Nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một (NMN Dĩ An) nằm giữa Thành phố Thủ Dầu Một và Thành phố Hồ Chí Minh (chùm đô thị Nam Thủ Dầu Một), cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 25 km về phía Bắc. Nhà máy hoạt động dưới hình thức thuê đơn vị vận hành - đội ngũ công nhân vận hành chủ yếu là vệ sinh công nghiệp và giám sát hệ thống SCADA. Đến ngày 09/3/2015, Công ty tiếp tục khởi công xây dựng Giai đoạn 2 với công suất 45.000m³/ngày đêm.

Nhà máy Nước Dĩ An ra đời giải quyết tình trạng thiếu nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ của nhân dân khu vực dự án và sản xuất của các khu công nghiệp.

Hiện nay công suất tiêu thụ tại Nhà máy Nước Dĩ An đạt 160.000m³/ngày đêm, công suất thiết kế hiện nay là 200.000m³/ngày đêm. Tổng nhu cầu phát triển dự án Nhà máy Nước Dĩ An trong tương lai dự kiến đạt khoảng 400.000m³/ngày đêm.

Tổng giá trị đầu tư xây dựng tại Nhà máy Nước Dĩ An giai đoạn 1,2 và 3 là 984,1 tỷ đồng





**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

b. Nhà máy Nước Bầu Bàng (Dự án Hệ thống cấp nước Bầu Bàng thuộc huyện Bầu Bàng tỉnh Bình Dương) với Tổng công suất 30.000m³/ngày đêm.

Nhà máy Nước Bầu Bàng được lấy nguồn nước từ kênh chính hồ Phước Hòa dẫn về nhà máy nước để xử lý thành nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và đô thị khu vực Bầu Bàng tỉnh Bình Dương theo chủ trương chấp thuận số 212/TLĐTPH-QLN ngày 21/12/2015 của Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa (nay là Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Miền Nam).

Nhà máy Nước Bầu Bàng được xây dựng nhằm cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp đang hình thành với diện tích khoảng 3.800ha và đô thị phía Bắc tỉnh Bình Dương với khoảng 23.000 hộ dân.

Đường Ống nước thô phù hợp với công suất 60.000m³/ngày đêm. Tuyến ống được xây dựng với chiều dài từ Trạm bơm cấp I về đến Nhà máy xử lý nước sạch với đường kính ống D800mm dài 8400m. Xây dựng hồ sơ lắng ở trạm bơm cấp 1 chứa nước dự trữ có dung tích 30.000m³, hồ chứa nước thô ở nhà máy xử lý nước sạch chứa nước dự trữ có dung tích 6.000m³.

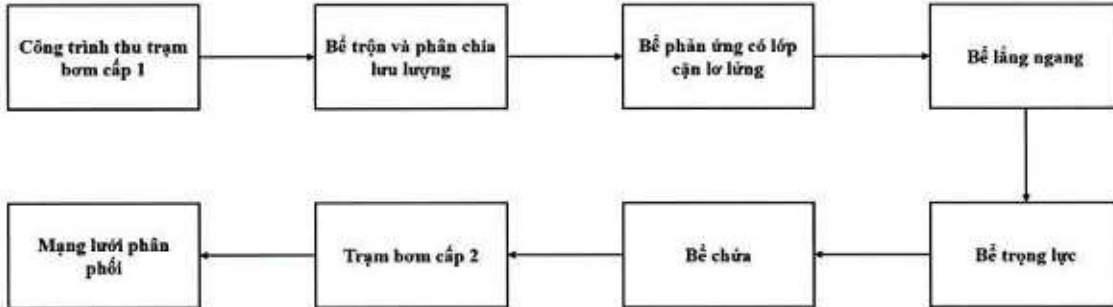
- Bể chứa nước sạch dung tích 7.000m³.
- Trạm bơm nước sạch công suất 30.000m³/ngày.
- Nhà máy xử lý nước sạch có công suất thiết kế 60.000m³/ngày. Một số hạng mục công trình khác sẽ xây dựng dự phòng để nâng công suất lên 100.000m³/ngày.
- Tháng 2/2017 đã đưa vào hoạt động giai đoạn 1 với công suất 15.000m³/ngày đêm, tháng 12/2020 đã hoàn thành giai đoạn 2 nâng công suất thêm 15.000m³/ngày đêm, nâng tổng công suất nhà máy lên 30.000m³/ngày đêm; phục vụ chủ yếu các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Bầu Bàng và các hộ dân vùng lân cận.

Đến nay, sau khi hoàn thành đưa các hạng mục vào khai thác sử dụng tổng mức đầu tư của Dự án là: 376,3 tỷ đồng





10.1.2. Quy trình sản xuất kinh doanh



Tại công trình thu nước thô từ sông Đồng Nai (Nhà máy Nước Dĩ An) và kênh hồ Phước Hòa (Nhà máy Nước Bầu Bàng) được bơm cấp 1 đưa vào bể trộn và phân chia lưu lượng (sau khi Clor hóa sơ bộ và xử lý nước bằng hóa chất trên đường ống đầy của bơm) tại đây nước tiếp xúc với hóa chất và xảy ra quá trình keo tụ. Sau đó, nước chảy vào bể phản ứng có, lớp cặn lơ lửng và xảy ra quá trình tạo bông cặn ở đây. Bông cặn được lắng tại bể lắng ngang, nước sau bể lắng ngang được đưa vào bể lọc trọng lực và toàn bộ cặn còn lại sau bể lắng được giữ lại tại đây. Nước sau bể lọc là nước sạch đưa vào bể chứa được châm Clor để khử trùng. Từ bể chứa, nước sạch được bơm cấp II bơm vào mạng lưới phân phối, cung cấp đến BIWASE. Điều hòa lượng nước tiêu thụ giữa các giờ trong ngày bằng hệ thống biến tần.

10.1.3. Công nghệ áp dụng

Các Nhà máy Nước Dĩ An và Bầu Bàng áp dụng công nghệ bể lắng ngang, với hệ thống vận hành hoàn toàn tự động thông qua hệ thống SCADA nên số lượng công nhân trực tiếp vận hành tại Nhà máy rất ít.

Công nghệ xử lý được lựa chọn dựa trên nguyên tắc:

- Phù hợp với tính chất và chất lượng nguồn nước thô.
- Đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất lượng nước cấp cho sinh hoạt theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, ban hành theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01-1:2024/BYT.
- Sử dụng Công nghệ bể lắng ngang quản lý vận hành đơn giản, dễ cài tạo để nâng công suất hoạt động của Nhà máy, chi phí vận hành bảo dưỡng thấp do lắp ít thiết bị trong bể.

10.1.4. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là nước khai thác từ sông ngòi tự nhiên cụ thể:

- Nhà máy Nước Dĩ An: lấy nước từ sông Đồng Nai.
- Nhà máy Nước Bầu Bàng: lấy nước từ kênh Phước Hòa.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng các nguyên vật liệu và động lực khác như điện, phèn, vôi, clo, flo và các vật liệu phụ để xử lý nước trước khi hòa vào mạng nước sạch cung cấp cho người dân cụ thể như: Nhà máy hóa chất Biên Hòa thuộc Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam cung cấp



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN THÊM CỘ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

hóa chất P.A.C và CLO lỏng, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tám Thao cung cấp với. Đây là những nhà cung cấp lâu năm của Công ty rất uy tín, ổn định và cũng là đối tác cung cấp hóa chất cho nhiều Công ty cấp nước trong ngành.

Do nguồn nguyên vật liệu chính được khai thác tự nhiên từ sông Đồng Nai (Nhà máy Nước Dĩ An) và kênh chính hồ Phước Hòa (Nhà máy Nước Bàu Bàng) nên nhìn chung nguồn nước thô là nguyên liệu đầu vào của Công ty tương đối ổn định. Tuy nhiên, nguồn nước đầu vào cũng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như: nồng độ các chất có trong nước, cũng như tình hình khí hậu hàng năm (khô hạn, bão...) sẽ ảnh hưởng đến lưu lượng, chất lượng nước của sông, đặc biệt là gần đây các vấn đề thay đổi thời tiết càng làm tăng thêm vấn đề về sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu bởi chính yếu tố này sẽ giúp tiết giảm chi phí sản xuất và nâng cao doanh thu cũng như lợi nhuận cho Công ty.

TDMWATER là đơn vị trực tiếp sản xuất, nguồn nguyên liệu là thành tố rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và bản thân Công ty cũng nhận thức được điều này. Chính vì vậy, TDMWATER rất quan tâm đến việc phát triển, tìm kiếm và sử dụng nguồn nguyên liệu một cách hiệu quả, đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục.

10.1.5. Hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Công ty có đội ngũ thí nghiệm thường xuyên kiểm tra chất lượng nước xử lý để kịp thời điều chỉnh lượng hóa chất xử lý hợp lý, định kỳ gửi mẫu nước đi kiểm tra chất lượng tại Trung tâm Kỹ thuật - Đo lường - Chất lượng 3 (QUATEST 3).

Định kỳ hàng tuần, hàng tháng đội ngũ thí nghiệm của Công ty tiến hành lấy mẫu nước kiểm tra chất lượng, bên cạnh đó gửi mẫu nước kiểm tra tại Trung tâm Kỹ thuật - Đo lường - Chất lượng 3 (Trung tâm 3) để kiểm tra chất lượng nước định kỳ và đảm bảo luôn đạt tiêu chuẩn nước sạch Việt Nam (QCVN 01-1:2024/BYT).

10.1.6. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nước sạch. Đây là lĩnh vực không có thời vụ mà phụ thuộc vào sức khỏe của nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng dân cư và các hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu vực.

10.1.7. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Sản lượng nước tiêu thụ trong giai đoạn 2023-2025

Trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nước sạch, hai nhà máy nước chính của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một là Nhà máy Nước Bàu Bàng và Nhà máy Nước Dĩ An, đóng vai trò trụ cột trong hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch bán buôn.

Nhà máy nước Dĩ An hiện có công suất khoảng 200.000m³/ngày đêm, chủ yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt dân cư và sản xuất công nghiệp tại TP. Dĩ An, Thủ Dầu Một và các khu vực lân cận, góp phần quan trọng vào doanh thu cốt lõi từ mảng nước sạch.

Trong khi đó, Nhà máy nước Bàu Bàng đang được đẩy mạnh đầu tư mở rộng quy mô lớn: từ công suất hiện tại khoảng 30.000 - 60.000m³/ngày đêm, Công ty đã khởi công dự án nâng công suất giai đoạn 1 lên 100.000m³/ngày đêm (hướng tới tổng công suất 350.000m³/ngày đêm), với sự hỗ trợ vốn vay từ các tổ chức tín dụng. Dự án không chỉ áp dụng công nghệ xử lý nước hiện đại nhằm đảm bảo chất lượng nước sạch đạt chuẩn mà còn đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng cao từ các khu công nghiệp



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

và dân cư tại huyện Bàu Bàng. Việc mở rộng hai nhà máy này sẽ tạo động lực tăng trưởng bền vững cho doanh thu cung cấp nước sạch của TDM trong những năm tới.

Bảng 7: Giá trị sản xuất và tiêu thụ nước của Công ty

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Công suất thiết kế	m ³ /ngày đêm	260.000	260.000	-
2	Sản lượng sản xuất	Triệu m ³	71,1	65,93	(7,27%)
	- NMN Dĩ An		57,3	51,33	(10,42%)
	- NMD Bàu Bàng		13,8	14,60	5,80%
3	Sản lượng tiêu thụ	Triệu m ³	70,8	65,58	(7,37%)
	- NMN Dĩ An		57,1	50,98	(10,72%)
	- NMN Bàu Bàng		13,7	14,60	6,57%
4	Giá bán bình quân				
	- Nước thô	đ/m ³	3.809	3.103	(18,55%)
	- Nước sạch	đ/m ³	7.006	5.354	(23,58%)
5	Doanh thu sản xuất nước	Triệu đồng	491.596	347.588	(29,29%)

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

Doanh thu của Công ty đến từ hoạt động kinh doanh nước sạch, cung cấp nước thô và cung cấp vật tư ngành nước. Các sản phẩm nước sạch và nước thô sau khi sản xuất đều được bán cho BIWASE.

Bảng 8: Cơ cấu Doanh thu thuần theo lĩnh vực kinh doanh trong giai đoạn 2024 – 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu cung cấp nước sạch	486.102	89,29	342.685	67,71	76.852	98,12
Doanh thu cung cấp nước thô	5.495	1,01	4.904	0,97	1.474	1,88
Doanh thu cung cấp vật tư	52.810	9,70	158.524	31,32	-	/
Tổng cộng	544.406	100	506.113	100	78.326	100

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một trong giai đoạn 2024 - 2025 cho thấy sự chuyển dịch đáng kể. Năm 2024, doanh thu thuần đạt 544,406 tỷ đồng, trong đó doanh thu cung cấp nước sạch chiếm tỷ trọng chủ đạo với 486,102 tỷ đồng, tương đương 89,29%. Doanh thu cung cấp vật tư đóng góp 9,70% và doanh thu cung cấp nước thô chỉ chiếm 1,01%. Sang năm



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ ĐẦU MỘT

2025, tổng doanh thu thuần giảm xuống 506,113 tỷ đồng (giảm 7% so với năm trước). Đáng chú ý, tỷ trọng doanh thu từ nước sạch giảm mạnh xuống còn 67,71%, trong khi doanh thu cung cấp vật tư tăng mạnh lên 158,524 tỷ đồng, chiếm 31,32% tổng doanh thu. Doanh thu cung cấp nước thô vẫn duy trì ở mức thấp, chiếm khoảng 0,97%. Năm 2025 doanh thu kinh doanh nước sạch của Công ty giảm 30%, chủ yếu xuất phát từ sự sụt giảm sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 90% kế hoạch năm và việc giảm giá bán buôn nước sạch cho BIWASE (còn 4.650 đồng/m³).

Sang Quý I năm 2026, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 78.326 triệu đồng. Trong đó, doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch đạt 76.852 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 98,12%. Mảng cung cấp nước thô đóng góp 1.474 triệu đồng, tương ứng với tỷ trọng 1,88%. Nhìn chung, trong quý đầu năm, cơ cấu doanh thu của Công ty chủ yếu tập trung vào các mảng cung cấp nước truyền thống để duy trì sự ổn định.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 9: Cơ cấu Lợi nhuận gộp

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2024		Năm 2025		31/03/2026	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Lợi nhuận gộp cung cấp nước sạch	259.994	53,49%	145.124	42,35%	35.537	46,24
Lợi nhuận gộp cung cấp nước thô	(3.404)	-	(5.239)	-	(936)	-
Lợi nhuận gộp cung cấp vật tư	1.025	1,94%	4.613	2,91%	-	-
Tổng lợi nhuận gộp	257.615	47,32%	144.498	28,55%	34.600	44,18

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)

Giai đoạn 2024 - 2025, cơ cấu lợi nhuận gộp của TDM ghi nhận sự sụt giảm đáng kể về giá trị tuyệt đối, từ mức 257.615 triệu đồng trong năm 2024 xuống còn 144.498 triệu đồng vào năm 2025. Mảng cung cấp nước sạch tiếp tục giữ vai trò là trụ cột đóng góp chính vào lợi nhuận, mặc dù giá trị lợi nhuận gộp của phân khúc này đã giảm từ 259.994 triệu đồng xuống 145.124 triệu đồng sau một năm. Trong khi đó, mảng cung cấp vật tư có sự tăng trưởng về đóng góp lợi nhuận từ 1.025 triệu đồng lên 4.613 triệu đồng. Tuy nhiên, mảng nước thô vẫn đang gặp khó khăn khi mức lỗ gộp gia tăng từ 3.404 triệu đồng lên 5.239 triệu đồng, gây áp lực ngược lên tổng lợi nhuận của Công ty.

Về hiệu quả sinh lời, biên lợi nhuận gộp tổng thể của TDM có xu hướng thu hẹp mạnh từ khoảng 47,3% năm 2024 xuống còn 28,5% năm 2025. Sự sụt giảm này chủ yếu do biên lợi nhuận mảng nước sạch - vốn có tỷ suất sinh lời cao bị giảm từ 53,5% xuống còn khoảng 42,3% do đơn giá bán nước sạch điều chỉnh giảm. Đồng thời, trong năm 2025, doanh thu từ mảng vật tư tăng vọt và chiếm tỷ trọng lớn hơn trong cơ cấu doanh thu (tăng từ 9,7% lên 31,32%), nhưng mảng này lại có biên lợi nhuận rất thấp, chỉ quanh mức 2-3%. Sự thay đổi cơ cấu doanh thu theo hướng tăng mạnh các mảng có biên lợi nhuận thấp đã làm loãng hiệu quả kinh doanh chung của doanh nghiệp trong năm 2025.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Bước sang Quý I năm 2026, tổng lợi nhuận gộp đạt 34.600 triệu đồng với biên lợi nhuận duy trì ở mức 44,18%. Mảng nước sạch đóng góp chủ yếu với 35.537 triệu đồng lợi nhuận gộp. Dù mảng nước thô ghi nhận lỗ 936 triệu đồng, hiệu quả kinh doanh chung của Công ty vẫn nhìn chung ổn định.

Cơ cấu chi phí của Công ty

Bảng 10: Cơ cấu chi phí

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		31/03/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
I. Giá vốn hàng bán	286.791	82,81	361.615	82,67	43.725	66,57
1. Giá vốn nước sạch	226.107	65,29	197.561	45,16	41.315	62,9
2. Giá vốn nước thô	8.898	2,57	10.143	2,32	2.410	3,67
3. Giá vốn bán vật tư	51.785	14,95	153.911	35,19	-	-
II. Chi phí tài chính	45.116	13,03	59.529	13,61	16.517	25,15
III. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.195	4,10	15.744	3,60	4.943	7,53
V. Chi phí khác	200	0,06	512	0,12	501	0,76
Tổng cộng	346.302	100	437.400	100	65.686	100

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)

Tổng chi phí trong năm 2025 đạt 437,4 tỷ đồng, tăng 26,3% so với năm 2024. Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí là chi phí cho Giá vốn hàng bán. Tổng giá vốn hàng bán năm 2024 và năm 2025 đạt giá trị lần lượt là 286,8 tỷ đồng (chiếm 82,81% tổng chi phí) và 361,6 tỷ đồng (chiếm 82,68% tổng chi phí). Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm Giá vốn nước sạch, Giá vốn nước thô và Giá vốn bán vật tư.

Giá vốn nước sạch, nước thô bao gồm chi phí khấu hao hệ thống xử lý nước, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài; trong đó, chi phí khấu hao chiếm tỷ trọng lớn nhất. Năm 2024, giá vốn nước sạch đạt 226,1 tỷ đồng (chiếm 65,26% tổng chi phí). Trong năm 2025, giá vốn nước sạch là 197,6 tỷ đồng (chiếm 45,17% tổng chi phí).

Giá vốn vật tư năm 2024 đạt 51,8 tỷ đồng, chiếm 14,95% tổng chi phí. Trong năm 2025, cùng với việc tăng trưởng doanh thu, giá vốn bán vật tư cũng gia tăng tương ứng, đạt mức 153,9 tỷ đồng, tăng khoảng gấp 3 lần so với năm 2024 và chiếm 35,19% tổng chi phí.

Chi phí tài chính của Công ty bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí tài chính khác trong đó, chủ yếu là chi phí lãi vay. Năm 2024, chi phí tài chính đạt 45,1 tỷ đồng, chiếm 13,03% tổng chi phí. Sang đến 2025, chi phí doanh thu tăng vọt lên 59,5 tỷ đồng chủ yếu do lãi tiền vay tăng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí dịch vụ mua ngoài,.... Chi phí này năm 2024 là 14,2 tỷ đồng, chiếm 4,1% tổng chi phí. Sang năm 2025 chi phí quản lý doanh nghiệp đạt mức 15,7 tỷ đồng (chiếm 3,6% tổng chi phí).



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Trong Quý I năm 2026, tổng chi phí của Công ty đạt 65,7 tỷ đồng. Mặc dù Giá vốn hàng bán vẫn giữ vai trò chủ đạo với giá trị 43,7 tỷ đồng, nhưng tỷ trọng đã giảm đáng kể xuống còn 66,57% (so với mức trên 82% của giai đoạn 2024-2025). Trong cơ cấu giá vốn, giá vốn nước sạch chiếm phần lớn với 41,3 tỷ đồng (tương ứng 62,9%). Đáng chú ý, Chi phí tài chính có sự gia tăng đột biến về tỷ trọng, chiếm tới 25,15% tổng chi phí, cao gần gấp đôi so với tỷ trọng các năm trước. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 7,53% và các chi phí khác đóng góp một phần nhỏ khoảng 0,76%, cho thấy sự thay đổi trong cấu trúc chi phí của doanh nghiệp vào đầu năm 2026.

10.1.8. Tài sản cố định năm 2024

Bảng 11: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	1.522.643	648.512	42,59
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	619.833	169.277	27,31
2. Máy móc, thiết bị	308.868	81.840	26,50
3. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	582.071	390.622	67,11
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	921	181	19,65
5. Tài sản cố định hữu hình khác	10.950	6.593	60,21
II. Tài sản cố định vô hình	59.589	47.341	79,45
1. Quyền sử dụng đất	58.817	47.279	80,38
2. Phần mềm máy vi tính	772	62	8,03
Tổng cộng	1.582.232	695.853	43,98

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của TDM)

(*) Do giá trị của một hoặc một số chỉ tiêu và/hoặc giá trị tổng/Tổng cộng đã được làm tròn nên tổng giá trị các chỉ tiêu và giá trị tổng/Tổng cộng bị lệch 01 đơn vị tính.

Tài sản cố định của Công ty chủ yếu là các tài sản hữu hình phục vụ hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch. Trong đó, Nhà cửa, vật kiến trúc (nhà máy nước, bể chứa, cơ sở hạ tầng) và phương tiện vận tải, truyền dẫn (mạng lưới đường ống cấp nước, trạm bơm, xe chuyên chở chất thải) là hai loại tài sản chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản cố định của Công ty, với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 tương ứng là 27,31% và 67,11%. Các tài sản cố định hữu hình còn lại là máy móc, thiết bị và Các loại tài sản cố định hữu hình khác. Công ty cũng ghi nhận tài sản cố định vô hình gồm quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 80,38% và 8,03%.

10.1.9. Tài sản cố định năm 2025

Bảng 12: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: Triệu đồng



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	1.524.516	540.973	35,48
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	621.090	128.489	20,69
2. Máy móc, thiết bị	309.010	56.738	18,36
3. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	582.437	349.619	60,03
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	998	196	19,64
5. Tài sản cố định hữu hình khác	10.982	5.931	54,01
II. Tài sản cố định vô hình	59.589	45.797	76,85
1. Quyền sử dụng đất	58.817	45.774	77,82
2. Phần mềm máy vi tính	772	22	2,85
Tổng cộng	1.584.105	586.769	37,04

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của TDM)

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh chính của công ty vẫn là hoạt động sản xuất và cung cấp nước tại các dự án đã đi vào vận hành ổn định, nên danh mục tài sản cố định tại ngày 31/12/2025 không thay đổi so với thời điểm ngày 31/12/2024 mà chỉ thay đổi giá trị còn lại do khấu hao tăng thêm.

10.1.10. Tài sản cố định thời điểm 31/03/2026

Bảng 13: Tình hình tài sản tại ngày 31/03/2026

Đơn vị: Triệu đồng

Chi tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	1.524.864	522.628	34,27
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	621.090	120.412	19,39
2. Máy móc, thiết bị	309.302	52.419	16,95
3. Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	582.493	343.863	59,03
4. Thiết bị, dụng cụ quản lý	998	177	17,7
5. Tài sản cố định hữu hình khác	10.982	5.758	52,43
II. Tài sản cố định vô hình	59.589	45.410	76,21
1. Quyền sử dụng đất	58.817	45.398	77,19
2. Phần mềm máy vi tính	772.030	12	1,58
Tổng cộng	1.584.452	568.039	35,85

(Nguồn: BCTC Quý I năm 2026 của TDM)



10.2. Thị trường hoạt động

Công ty tập trung hoạt động tại thị trường Bình Dương (nay là TP. Hồ Chí Minh), toàn bộ doanh thu hoạt động kinh doanh từ thị trường Bình Dương.

10.3. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.3.1. Đầu tư dự án

Tình hình đầu tư các dự án của Công ty giai đoạn từ năm 2024 đến nay như sau:

Đầu tư dự án: Xây dựng tuyến ống chuyển tải nước thô DN1600 từ công trình thu Tân Ba về nhà máy nước sạch Dĩ An

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
- Địa điểm xây dựng: phường Thái Hoà, thị xã Tân Uyên và phường An Phú, thành phố Thuận An – tỉnh Bình Dương (nay là phường Tân Đông Hiệp và phường An Phú thuộc thành phố Hồ Chí Minh)
- Khởi công: ngày 27/11/2023.
- Mục đích xây dựng: mở rộng diện tích cung cấp nước và nâng công suất nhà máy;
- Quy mô dự án: Hệ thống chuyển tải nước từ công trình thu Tân Ba về Nhà máy Nước Dĩ An dài khoảng 4.390m tăng quy mô công suất và khu vực cung cấp nước.
- Thời gian thực hiện: 12 tháng, Dự án bắt đầu triển khai từ Quý 3/2023.
- Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 06/12/2024 với nguyên giá là 184.339.756.238 đồng.

Đầu tư dự án: Đầu tư hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng công suất 320.000m³/ngày đêm – Giai đoạn 1: Công suất 100.000m³/ngày đêm.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.
- Địa điểm xây dựng: Huyện Bàu Bàng – Tỉnh Bình Dương (nay là xã Bàu Bàng, TP. Hồ Chí Minh).
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn huy động khác của Công ty.
- Quy mô dự án: Công suất giai đoạn 1 là 100.000m³/ngày đêm, chia làm 2 phân kỳ đầu tư, mỗi phân kỳ công suất 50.000m³/ngày đêm.
- Thời gian thực hiện: Phân kỳ 1: 2024 – 2026; Phân kỳ 2: 2026 – 2028.
- Tổng giá trị dự toán đầu tư: Giai đoạn 1 là 832 tỷ VND (đã bao gồm thuế VAT), trong đó phân kỳ 1 là 666 tỷ VND, phân kỳ 2 là 166 tỷ VND
- Tiến độ đầu tư dự án đến thời điểm 31/12/2025:



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ ĐÀU MỘT**

- + Phần nhà máy nước: đang thi công Phân kỳ 1: Công suất 50.000m³/ngày đêm theo thông báo số 310/TB-CPNTDM ngày 11/12/2025 về việc khởi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng. Giá trị Dự toán giá trị công trình của Phân kỳ I là 208 tỷ VND (đã bao gồm thuế VAT).
- + Phần tuyến ống chuyển tải nước thô DN1500 từ Trạm bơm nước thô Trừ Văn Thố về Nhà máy nước Bàu Bàng đang hoàn thiện hồ sơ pháp lý.

10.3.2. Các khoản đầu tư tài chính

Bảng 14: Các khoản đầu tư tài chính của Công ty tính đến ngày 31/03/2026

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (BWE)	Hồ Chí Minh	37,42%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	Hồ Chí Minh	25,00%	Tư vấn xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cấp nước Gia Tân - Cẩm Mỹ	Đồng Nai	25,00%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Biwase Quảng Bình	Quảng Trị	43,10%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân (GIWACO)	Đồng Nai	24,86%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty CP Cấp Nước Cà Mau (CAWACO)	Cà Mau	24,39%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (CANTHOWASSCO)	Cần Thơ	22,96%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An	Tây Ninh	22,26%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DNW)	Đồng Nai	12,06%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Phú Mỹ Vinh	Hồ Chí Minh	10%	Xây dựng hạ tầng KCN, KDC và cung cấp nước sạch
Công ty Cổ phần Nước Biwase Cần Thơ	Cần Thơ	10,17%	Sản xuất và cung cấp nước sạch

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của TDM)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

10.4. Các hợp đồng lớn

Các Hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện từ năm 2024 đến nay như sau:

Bảng 15: Các hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2024 đến thời điểm hiện tại

STT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Giá trị Hợp đồng (triệu đồng)			Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm dịch vụ đầu vào, đầu ra	Các điều khoản chính của Hợp đồng	Mối quan hệ (*)	Khác (**)
			Năm 2024	Năm 2025	Quý I/2026						
1	Hợp đồng nhập ống gang số TDM/BMS 136-2024/XX	BMS Engineering Solutions & Technologies Pte Ltd	31.181	-	-	09/09/2024	27/12/2024	Cung cấp ống gang	-Ống gang theo tiêu chuẩn ISO2531:1998 -Giao hàng trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được tin dụng thư -Thanh toán trong vòng 60 ngày từ ngày nhận được vận đơn tàu biển	Không có	Không có
2	Hợp đồng nhập ống gang số TDM/BMS 138-2024/XX	BMS Engineering Solutions & Technologies Pte Ltd	32.176	-	-	02/11/2024	14/03/2025	Cung cấp ống gang	Ống gang theo tiêu chuẩn ISO2531:1998 -Giao hàng trong vòng 45 ngày kể từ khi nhận được tin dụng thư -Thanh toán trong vòng 90 ngày từ ngày nhận được vận đơn tàu biển	Không có	Không có



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

3	Hợp đồng nhập ống gang số TDM/BMS 145-2024/XX	BMS Engineering Solutions & Technologies Pte Ltd	-	35.966	-	08/01/2025	25/05/2025	Cung cấp ống gang	Ông gang theo tiêu chuẩn ISO2531:1998 -Giao hàng trong vòng 55 ngày kể từ khi nhận được tín dụng thư -Thanh toán trong vòng 90 ngày từ ngày nhận được vận đơn tàu biển	Không có	Không có
4	Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	-	320.000	-	18/06/2025	Từ 18/06/2025 đến 30/08/2025	Cổ phiếu	- Thanh toán thành 02 đợt: đợt 1 không muộn hơn ngày 30/06/2025, đợt 2 không muộn hơn ngày 31/08/2025 - Không muộn hơn 30 ngày từ ngày Bên mua hoàn thành nghĩa vụ thanh toán, Bên bán sẽ hoàn thành thủ tục chuyển nhượng sơ hữu cổ phần sang cho Bên mua.	(1)	Không có
5	Hợp đồng thi công xây dựng	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Biwelco	-	185.466	-	28/11/2025	Đang thực hiện	Hợp đồng thi công xây dựng Hệ thống cấp nước Bàu Bàng công suất 10.000 m ³ /ngày đêm	-Thời gian thực hiện hợp đồng 18 tháng. -Bảo hành công trình 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.	Không có	Không có



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

6	Hợp đồng cung dịch vụ thủy lợi	Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam	-	-	14.076	02/01/2026	Năm 2026	Cung cấp nước thô	-Cung cấp nước thô phục vụ sản xuất nước sạch nhà máy Bầu Bàng. -Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng nước được thực hiện hàng tháng	Không có	Không có
---	--------------------------------	--	---	---	--------	------------	----------	-------------------	---	----------	----------

(*) Mọi quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm kỳ kết hợp đồng.

(1) Năm 2025 chia 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 24/03/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Hội đồng quản trị TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Phó Phòng Kế hoạch – Đầu tư tại BWE; Bà Nguyễn Thị Mộng Thường (Thành viên BKS TDM) giữ chức vụ Kế toán trưởng phòng Tài chính - Kế toán tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tung – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

+ Giai đoạn 2: Từ ngày 25/03/2025 đến ngày 31/12/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tung – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

+ Năm 2026 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tung – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

(2) Từ ngày 25/04/2025 đến nay: Công ty CP Nước Thủ Dầu Một và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng BIWELCO không phải là bên liên quan. Năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 24/04/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Hội đồng quản trị) giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Biwelco

(**) Điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

10.5. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 16: Các khách hàng lớn của Công ty

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (%)			Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
		Năm 2024	Năm 2025	Quý I/2026			
1	Công ty CP- Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BWE)	90%	69%	98%	Từ 01/01/2024 đến hiện tại	Nước sạch và nước thô	(1)
2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng BIWELCO	10%	31%	2%	Năm 2024 và năm 2025	Nhượng vật tư	(2)

(Nguồn: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

(*) Mối quan hệ với HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

(1) Năm 2025 chia 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 24/03/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Hội đồng quản trị TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Phó Phòng Kế hoạch – Đầu tư tại BWE; Bà Nguyễn Thị Mộng Thường (Thành viên BKS TDM) giữ chức vụ Kế toán trưởng Phòng Tài chính - Kế toán tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tùng – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

+ Giai đoạn 2: Từ ngày 25/03/2025 đến ngày 31/12/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tùng – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

+ Năm 2026 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tùng – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

(2) Từ ngày 25/04/2025 đến nay: Công ty CP Nước Thủ Dầu Một và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng BIWELCO không phải là bên liên quan.

Năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 24/04/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Hội đồng quản trị) giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Biwelco.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Bảng 17: Nhà cung cấp lớn của công ty

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (%)			Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
		Năm 2024	Năm 2025	Quý I/2026			
1	Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam	14%	15%	34%	Từ 01/01/2024 đến nay	Cung cấp nước thô	Không
2	Chi Nhánh Cấp Nước Dĩ An - Công Ty CP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương	35%	32%	18%	Từ 01/01/2024 đến nay	Cung cấp dịch vụ vận hành, điện, vận chuyển bùn	(1)
3	Nhà máy hóa chất Biên Hòa - CN Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	6%	1%	4%	Từ 01/01/2024 đến nay	Cung cấp hoá chất	Không
4	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC THUẬN AN	14%	14%	15%	Từ 01/01/2024 đến nay	Điện sản xuất	Không
5	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH - CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẾN CÁT	7%	7%	11%	Từ 01/01/2024 đến nay	Điện sản xuất	Không

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

(*) Mối quan hệ với HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn của Công ty.

(1) Năm 2025 chia 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 24/03/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Hội đồng quản trị TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Phó Phòng Kế hoạch – Đầu tư tại BWE; Bà Nguyễn Thị Mộng Thường (Thành viên BKS TDM) giữ chức vụ Kế toán trưởng phòng Tài chính - Kế toán tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tùng – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

+ Giai đoạn 2: Từ ngày 25/03/2025 đến ngày 31/12/2025 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại BWE, Ông Nguyễn Văn Tri – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tùng – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

+ Năm 2026 Bà Nguyễn Thị Diên (Thành viên Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Trưởng Phòng Tài Chính Kế toán tại BWE; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Trưởng Ban kiểm soát TDM) giữ chức vụ Giám đốc tài chính tại BWE, Ông Nguyễn Văn Trí – Chủ tịch HĐQT TDM làm Thành viên HĐQT tại BWE, Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT TDM làm TV HĐQT BWE, Ông Trịnh Đình Tùng – TV BKS TDM làm Chuyên viên Phòng Đầu tư BWE, Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT TDM làm Trưởng BKS tại BWE.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



10.6. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Là công ty mới thành lập cuối năm 2013 với vốn điều lệ ban đầu là 200 tỷ đồng. Tuy nhiên, với việc tổ chức thi công Nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một (Nhà máy Nước Dĩ An) công suất 45.000m³/ngày đêm (giai đoạn 1) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng chỉ trong vòng 9 tháng kể từ lúc thi công thì bước đầu đã tạo được uy tín trong ngành. Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã nhanh chóng triển khai thi công và đưa vào sử dụng giai đoạn 2 Nhà máy Nước Dĩ An với công suất 45.000m³/ngày đêm, nâng tổng công suất Nhà máy Nước Dĩ An lên khoảng 90.000m³/ngày đêm; đến nay, Nhà máy Nước Dĩ An đã hoạt động hết công suất. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục xây dựng thêm nhà máy 100.000m³/ngày đêm nâng tổng công suất Nhà máy Nước Dĩ An 200.000m³/ngày đêm.

Trong thời gian ngắn Công ty đã triển khai thi công và đưa vào sử dụng 2 công trình lớn với tổng công suất 90.000m³/ngày đêm; việc này đã giúp Công ty tạo được tiếng vang cũng như uy tín trong ngành cấp nước của các tỉnh.

Đầu năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy tiềm năng phát triển công nghiệp tại Khu công nghiệp Bàu Bàng thuộc huyện Bàu Bàng tỉnh Bình Dương cũ nên đã quyết định đầu tư dự án Hệ thống cấp nước Khu vực Bàu Bàng giai đoạn 1 công suất 15.000m³/ngày đêm, gồm các hạng mục xây dựng trạm bơm nước thô, tuyến ống nước thô và nhà máy xử lý và được Tổng công ty Đầu tư và phát triển công nghiệp Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC) chấp thuận chủ trương tại công văn số: 584/CV-2015 ngày 29/10/2015, UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương tại Công văn số 4227/UBND-KTN ngày 27/11/2015.

Với tốc độ mở rộng và phát triển nhanh chóng, Công ty đã xây dựng cho mình quy mô và vị thế vững chắc tại địa bàn tỉnh Bình Dương, chỉ đứng sau Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương. So với các công ty cùng ngành trên toàn quốc, TDMWATER cũng có quy mô tài sản và khả năng sinh lợi tốt hơn hầu hết các công ty khác.

Tại tỉnh Bình Dương cũ có 3 đơn vị cấp nước sạch đó là Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (BWE); TDM và Trung tâm Đầu tư, khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn (viết tắt là Trung tâm). TDM không cạnh tranh trực tiếp với BWE vì toàn bộ lượng nước sản xuất của TDM được bán cho BWE qua đồng hồ tổng, do đó BWE là khách hàng của TDM và sự tăng trưởng của BWE sẽ đồng thời thúc đẩy sự phát triển của TDM. Số liệu chính xác thị phần của TDM cung cấp nước sạch tại tỉnh Bình Dương cũ chưa có nguồn chính thống nào thực hiện công bố.

Đối với các công ty khác trong cùng ngành nhưng có địa bàn hoạt động ngoài tỉnh Bình Dương, TDM cũng không cạnh tranh trực tiếp do hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp sản xuất nước chỉ phát sinh từ địa bàn hoạt động của doanh nghiệp đó.

Bảng 18: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2025 của các công ty trong ngành

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Cấp thoát nước Bình Định (Upcom – BDW)	CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (Hose -VSI)	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (UPCOM – CTW)	CTCP Nước Thủ Dầu Một (HOSE-TDM)
----------	---	--	---	----------------------------------



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ ĐÀU MỘT**

Tổng tài sản	458.200	469.822	725.490	3.396.116
Vốn chủ sở hữu	218.900	209.961	419.276	2.584.815
Vốn điều lệ	124.108	132.000	280.000	1.111.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	310.558	545.576	306.474	506.113
Doanh thu tài chính	697	3.052	17.724	149.494
Lợi nhuận khác	3.502	(598)	(811)	(217)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	47.692	45.495	65.602	218.502
Lợi nhuận sau thuế	38.032	36.871	55.104	209.882
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (%)	18%	18%	13%	8%

(Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC riêng năm 2025 được kiểm toán của các công ty)

10.7. Triển vọng phát triển của ngành

Theo thống kê của Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý chuyên ngành, trong những năm gần đây, nhu cầu sử dụng nước sạch tại Việt Nam liên tục gia tăng cùng với tốc độ đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế cao. Tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam đã vượt 40% và dự kiến tiếp tục tăng trong giai đoạn 2025–2030, kéo theo nhu cầu lớn về đầu tư hạ tầng cấp nước tại các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư tập trung. Bên cạnh đó, quá trình công nghiệp hóa mạnh mẽ tại các tỉnh, thành thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và phía Bắc tiếp tục thúc đẩy nhu cầu nước sạch phục vụ sản xuất.

Theo định hướng phát triển cấp nước quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt bởi Chính phủ Việt Nam, mục tiêu đặt ra là nâng tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt trên 95–100%, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống dưới 15%, đồng thời mở rộng hệ thống cấp nước nông thôn theo hướng bền vững. Tổng công suất các nhà máy nước dự kiến tiếp tục được đầu tư mở rộng để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dân số, phát triển khu công nghiệp và nâng cao tiêu chuẩn sống.

Trong bối cảnh đó, ngành nước sạch được đánh giá là ngành hạ tầng thiết yếu có tốc độ tăng trưởng ổn định, ít chịu tác động của chu kỳ kinh tế do nhu cầu tiêu dùng mang tính bắt buộc. Tuy nhiên, ngành cũng đối mặt với một số thách thức như biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng nước và áp lực vốn đầu tư lớn cho hệ thống xử lý – truyền tải. Dù vậy, với xu hướng xã hội hóa đầu tư hạ tầng và khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia phát triển hệ thống cấp nước, triển vọng dài hạn của ngành sản xuất nước sạch tại Việt Nam được đánh giá tích cực và bền vững.



10.8. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực theo quy hoạch tổng thể về khai thác và xử lý nước sạch, Công ty đã chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo và nâng cao công suất các nhà máy nước, đồng thời phát triển hệ thống tuyến ống phân phối cần thiết. Các hoạt động này hướng tới việc gia tăng sản lượng nước trong tương lai, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng tại các khu dân cư và khu công nghiệp mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũ. Định hướng phát triển của Công ty không chỉ phù hợp với chiến lược phát triển ngành nước, mà còn đồng bộ với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương cũ nói riêng và cả nước nói chung.

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu nước sạch tại Việt Nam tiếp tục tăng mạnh do tăng trưởng dân số, đô thị hóa nhanh và mở rộng khu công nghiệp, dẫn đến nhu cầu lớn về cung cấp nước sạch ổn định, an toàn cho sinh hoạt và sản xuất. Trên toàn cầu, ngành nước và xử lý nước thải là một trong những thị trường tăng trưởng nhanh với quy mô dự báo từ khoảng 369,6 tỷ USD năm 2025 lên tới 652,3 tỷ USD vào năm 2034, tốc độ CAGR khoảng 6,5% do nhu cầu cải thiện chất lượng nước và xử lý nước thải ngày càng được chú trọng.

Tại Việt Nam, chính sách quy hoạch cấp nước đến năm 2030 - tầm nhìn 2050 đặt mục tiêu mở rộng cơ sở hạ tầng nước sạch tập trung cho cả đô thị và khu vực nông thôn, đồng thời giảm thất thoát nước và nâng cao chất lượng dịch vụ. Đây là cơ sở quan trọng để khuyến khích đầu tư tư nhân, xã hội hóa nguồn vốn vào lĩnh vực này. Cùng với đó, tăng cường đầu tư công nghệ như hệ thống xử lý tiên tiến, giám sát tự động và sử dụng các giải pháp thông minh (smart water) là xu hướng toàn cầu giúp ngành nâng cao hiệu quả vận hành và đáp ứng yêu cầu khắt khe của tiêu chuẩn môi trường.

Ngành cũng đối mặt với thách thức về hạ tầng cũ kỹ ở nhiều khu vực, yêu cầu vốn đầu tư lớn và chi phí vận hành cao, điều này đòi hỏi chính sách hỗ trợ từ nhà nước và khuyến khích đầu tư tư nhân hiệu quả. Nhìn chung, với xu hướng toàn cầu ngày càng hướng tới bảo vệ nguồn nước, tăng tái sử dụng nước và nâng tiêu chuẩn chất lượng, ngành sản xuất và kinh doanh nước sạch tại Việt Nam có triển vọng tăng trưởng bền vững và hấp dẫn nhà đầu tư trong dài hạn.

Nhìn chung, ngành nước sạch có tiềm năng tăng trưởng ổn định và dài hạn nhờ nhu cầu thiết yếu, quy hoạch mở rộng hạ tầng và xu hướng toàn cầu hướng tới quản lý nước hiệu quả hơn.

10.9. Hoạt động marketing

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một là đơn vị kinh doanh bán si nước qua đồng hồ cho khách hàng là Công ty CP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương do đó hoạt động marketing của Công ty hiện không có. Tuy nhiên, Công ty cũng đang xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cũng như các hoạt động marketing thông qua các hoạt động tài trợ, tham gia các hoạt động của ngành.

10.10. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu, bản quyền và có Logo riêng

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một
- Tên tiếng anh: Thu Dau Mot Water Joint Stock Company



- Logo Công ty:



- Công ty đã đăng ký tên miền: www.tdmwater.vn
- Công ty hiện không có phát minh, sáng chế hay bản quyền.

10.11. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong hai năm qua và đến thời điểm hiện tại, Công ty tiếp tục vận hành công nghệ bể lắng ngang kết hợp hệ thống điều khiển, giám sát tự động hoàn toàn thông qua SCADA tại các nhà máy xử lý nước. Đây là dây chuyền xử lý nước mặt phục vụ sinh hoạt dựa trên các công nghệ truyền thống đã được kiểm chứng và ứng dụng rộng rãi trên thế giới, bao gồm các công đoạn: clor hóa sơ bộ, keo tụ, lắng, lọc cát và khử trùng.

Song song với đó, xu hướng công nghệ xử lý nước tại các quốc gia phát triển đã có nhiều bước tiến đáng kể, với sự xuất hiện của các giải pháp hiện đại như lọc sinh học bằng than hoạt tính dạng hạt (BAC), công nghệ kết hợp ozone và BAC (O₃-BAC), ozone hóa và khử trùng bằng tia cực tím (UV), nhằm nâng cao hiệu quả xử lý và đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe về chất lượng nước.

Nắm bắt xu thế này, Công ty không ngừng nghiên cứu và từng bước tiếp cận, ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào quy trình xử lý nước. Việc triển khai các giải pháp công nghệ hiện đại không chỉ giúp nâng cao khả năng loại bỏ tạp chất, tăng mức độ tự động hóa và giảm sự phụ thuộc vào yếu tố con người, mà còn góp phần tối ưu chi phí vận hành, qua đó cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10.12. Chiến lược kinh doanh

10.12.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy sản xuất, tối ưu hóa việc khai thác và sử dụng toàn bộ công suất hiện có nhằm gia tăng sản lượng. Đồng thời, Công ty triển khai đầu tư mở rộng, nâng công suất hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng (huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương cũ), dự kiến tăng thêm 350.000m³/ngày đêm.

Bên cạnh đó, Công ty tập trung hoàn thiện quy trình công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng nước sản xuất luôn đáp ứng các tiêu chuẩn quy định. Công tác tái cấu trúc nguồn vốn tiếp tục được đẩy mạnh, tạo nền tảng tài chính vững chắc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Công ty cũng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc hoàn thiện chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ quản trị trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật và tài chính, đảm bảo đủ năng lực thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Song song với đó, Công ty tiếp tục đầu tư hoàn thiện các hạng mục của các nhà máy xử lý nước đang thi công, đồng thời mở rộng phạm vi cung cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũ trong thời gian tới. Việc nghiên cứu mở rộng thị trường và nâng công suất các nhà máy hiện hữu cũng được đẩy mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng của thị trường.



Cuối cùng, Công ty cam kết duy trì và củng cố uy tín thương hiệu trên thị trường, đồng thời đảm bảo việc sử dụng và báo cáo nguồn vốn huy động, bao gồm vốn phát hành, đúng mục đích và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

10.12.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Xây dựng và triển khai chiến lược sản xuất kinh doanh trung và dài hạn theo định hướng phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích hợp pháp của Người lao động và Cổ đông.

Nâng cao nhận thức cho Người lao động; đồng thời đổi mới phương pháp làm việc và quản lý theo hướng hiệu quả, hiện đại; khuyến khích đề xuất sáng kiến, giải pháp cải tiến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng công việc.

Đầu tư mở rộng phát triển hệ thống cấp nước, do khu vực xã Bàu Bàng, xã Trừ Văn Thố và xã Bắc Tân Uyên đang có sức hút tốt đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, tình hình phát triển chung của cả nước có dấu hiệu tăng. Do vậy cơ hội cung cấp nước sạch sinh hoạt cho các khu công nghiệp tăng theo.

Nêu cao tin thần trách nhiệm trong việc phục vụ để khách hàng luôn đạt sự hài lòng về chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính an toàn, sạch sẽ của chất lượng sản phẩm cung cấp, đảm bảo vấn đề môi trường để khu vực tỉnh Bình Dương cũ luôn tự hào về hạ tầng kỹ thuật để mạnh dạn mời gọi, thu hút đầu tư nhiều hơn nữa. Tiếp tục nâng cao nhận thức của Người lao động, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, cải tiến trong công tác điều hành, quản lý vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí.

Từng bước xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp, qua đó củng cố hình ảnh và uy tín thương hiệu của Công ty trên thị trường.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo đội ngũ Cán bộ Công nhân viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Công tác quản trị doanh nghiệp, đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo am hiểu thêm phương pháp quản trị doanh nghiệp theo xu hướng của các nước phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu đối với công ty niêm yết và là công ty đại chúng có quy mô lớn. Nguồn nhân lực Công ty ngày càng ổn định, vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.

Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học – công nghệ vào hoạt động sản xuất; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế tối đa hao hụt, thất thoát và các rủi ro phát sinh.

Tiếp tục phát huy chủ trương xã hội hóa tại các lĩnh vực có lợi thế, qua đó huy động hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành; đồng thời tăng cường năng lực lãnh đạo, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài Công ty.

Duy trì và củng cố hệ thống Quản lý Chất lượng – Môi trường và An toàn sức khỏe nghề nghiệp tại Công ty theo ISO 9001:2015. ISO 19011:2018 và ISO 45001:2018.

10.12.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (Môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Trong quá trình hoạt động, do sản phẩm và dịch vụ của Công ty mang tính chất công ích, phục vụ an sinh xã hội, nên bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu tài chính cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty luôn chú trọng thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp nước



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

sạch ổn định, liên tục đến người dân theo sự tin tưởng và giao phó của Tỉnh. Các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chi đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường, các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầu đủ chế độ báo cáo, thống kê theo quy định về môi trường.

10.13. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện với ngành nghề sản xuất kinh doanh chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch. Hiện nay, 02 nhà máy nước của TDM đang hoạt động đều được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác nước. Chi tiết như sau:

- Nhà máy Nước Dĩ An: Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 2504/GP-BTNMT ngày 02/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2019.

- Nhà máy Nước Bàu Bàng: Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa (thuộc Bộ NN và PTNT) cấp quyền cho TDM sử dụng nước thô tại cống lấy nước K15+710 từ kênh dẫn Phước Hòa - Dầu Tiếng số 30/TLDTPH-KHKT ngày 06/03/2020.

Điều kiện đáp ứng để được cấp giấy phép khai thác nước được quy định tại Điều 20 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Tổng số lao động bình quân của Công ty trong giai đoạn 2024 – 2025 là 24 người. Tại thời điểm 31/03/2026, Công ty có tổng cộng 25 lao động đang làm việc

Bảng 19: Cơ cấu người lao động tại Công ty

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		31/03/2026	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ chuyên môn	24	100	24	100	25	100
1	Trên Đại học	1	4,17	1	4,17	1	4
2	Đại học	7	29,17	7	29,17	8	32
3	Cao đẳng, trung cấp	3	12,50	3	12,50	3	12
4	Sơ cấp, Chứng chỉ	4	16,66	4	16,66	4	16
5	Lao động phổ thông	9	37,50	9	37,50	9	36
II	Phân loại theo thời hạn hợp đồng	24	100	24	100	25	100



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN THÊM CỘ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		31/03/2026	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
1	Hợp đồng lao động có thời hạn	19	79,17	21	87,50	22	88
2	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	5	20,83	3	12,50	3	12
3	Hợp đồng lao động thời vụ	0	0	0	0	0	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBCNV) luôn được Công ty xác định là một trong những ưu tiên hàng đầu, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận trong tương lai. Trên cơ sở nhu cầu thực tế của từng cấp nhân sự và yêu cầu năng lực đối với từng vị trí, Công ty triển khai đa dạng các hình thức đào tạo, bao gồm:

- Cử cán bộ, nhân viên tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn trong và ngoài nước;
- Tạo điều kiện để CBCNV tham dự các hội thảo, hội nghị về công nghệ, thiết bị mới nhằm kịp thời cập nhật các tiến bộ khoa học – kỹ thuật trong nước và quốc tế, hướng tới mục tiêu không bị tụt hậu về công nghệ;
- Tổ chức các khóa đào tạo tập trung về kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc và kỹ năng quản lý dành cho đội ngũ nhân sự kế cận;
- Phân công cán bộ có kinh nghiệm trực tiếp kèm cặp, hướng dẫn và đào tạo nhân viên mới trong quá trình làm việc;
- Thực hiện luân chuyển nội bộ hoặc cử nhân sự tham gia đào tạo thực tế tại các đơn vị bạn để nâng cao kinh nghiệm và năng lực thực tiễn.

Bên cạnh đó, Công ty khuyến khích CBCNV chủ động đề xuất với Phòng Nhân sự – Quản trị và cấp quản lý trực tiếp về việc điều chuyển sang công việc hoặc bộ phận khác khi nhận thấy phù hợp hơn với năng lực và định hướng phát triển của bản thân, qua đó tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực.

Chế độ làm việc

Về thời gian làm việc, CBCNV làm việc 7,5 giờ/ngày, 5 ngày/tuần, với thời gian nghỉ trưa 2 giờ. Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau, thai sản theo quy định của Bộ Luật Lao động. Môi trường làm việc tại văn phòng được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất và thiết bị cần thiết, đáp ứng tốt yêu cầu công việc và tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Công ty hiện đang áp dụng chính sách tiền lương theo nguyên tắc 3Ps, bao gồm: Vị trí công việc (Position), Năng lực cá nhân (Personal) và Kết quả thực hiện công việc (Performance), qua đó đảm bảo tính công bằng nội bộ và khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Bên cạnh chính sách tiền lương, Công ty triển khai đa dạng các hình thức khen thưởng nhằm khuyến khích và ghi nhận đóng góp của Người lao động, cụ thể:

- Thưởng lương tháng 13;
- Thưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh dựa trên mức độ đóng góp và thành tích của từng cá nhân;
- Thưởng đột xuất đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc mang lại giá trị gia tăng cho Công ty như: sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết giảm chi phí, mở rộng thị trường, ký kết hợp đồng có hiệu quả cao hoặc hoàn thành vượt tiến độ kế hoạch;
- Thưởng cho tập thể lao động giỏi và các cá nhân tiêu biểu;
- Thưởng đối với đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo căn cứ vào mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

Bên cạnh chính sách tiền lương, Người lao động tại Công ty còn được hưởng các khoản phụ cấp như phụ cấp ăn giữa ca. Tùy theo vị trí công việc và/hoặc cấp bậc, nhân viên còn được hưởng thêm các khoản phụ cấp khác như phụ cấp xăng xe và các hỗ trợ liên quan.

Đặc biệt, Công ty xây dựng hệ thống phúc lợi toàn diện với mục tiêu tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho Người lao động. Cụ thể, CBCNV được hưởng các chế độ phúc lợi (bằng tiền mặt hoặc hiện vật có giá trị) như sau:

- Chế độ dành cho CBCNV nữ nhân Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10;
- Quà tặng cho con em CBCNV nhân Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6 và Tết Trung thu;
- Thăm hỏi, hỗ trợ CBCNV trong các trường hợp ốm đau, sinh nở, tai nạn;
- Chế độ phúng viếng khi thân nhân của CBCNV hoặc CBCNV qua đời;
- Hỗ trợ chi phí xăng xe cho CBCNV (từ 10–30 lít/người/tháng);
- Hỗ trợ nhu yếu phẩm, cải thiện chất lượng bữa ăn tại Nhà máy Nước Bàu Bàng;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ tại các cơ sở y tế uy tín; đồng thời triển khai các gói bảo hiểm sức khỏe (thẻ xanh, thẻ vàng) dành cho cán bộ chủ chốt, tạo điều kiện khám chữa bệnh tại các bệnh viện lớn trong và ngoài nước thông qua hệ thống Bảo hiểm Bảo Việt;
- Trang bị đầy đủ phương tiện và thiết bị bảo hộ lao động theo quy định;
- Tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng cho CBCNV.

Thông qua các chính sách này, Công ty không chỉ đảm bảo quyền lợi thiết thực cho Người lao động mà còn góp phần nâng cao sự gắn kết và hiệu quả làm việc của toàn bộ đội ngũ nhân sự.

Quy chế phát hành cổ phiếu cho Người lao động

Nhằm ghi nhận những đóng góp của Người lao động, đồng thời khuyến khích đội ngũ CBCNV tiếp tục gắn bó lâu dài và đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, TDM đã triển khai chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Chương trình này hướng tới việc tạo thêm động lực làm việc, thu hút và giữ chân các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm cũng như quyền lợi của CBCNV trong việc cùng Công ty thực hiện các mục tiêu chiến lược.

Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu ESOP năm 2025 như sau:



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.100.000 cổ phiếu;
- Giá phát hành: 25.000 đồng/cổ phiếu;
- Tiêu chí phân bổ: Căn cứ vào mức độ đóng góp cho sự phát triển của Công ty, thâm niên công tác, chức vụ và thời gian đảm nhiệm các vị trí quản lý hoặc chuyên môn cao;
- Toàn bộ số cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Chương trình ESOP không chỉ mang ý nghĩa khuyến khích về mặt tài chính mà còn góp phần gắn kết lợi ích giữa Người lao động và Công ty, qua đó thúc đẩy hiệu quả hoạt động và phát triển bền vững trong dài hạn.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm. Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Ngoài ra, HĐQT có thể tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được tại thời điểm quyết định tạm ứng.

Tỷ lệ cổ tức được chi trả trong các năm qua như sau:

Bảng 20: Tình hình chi trả cổ tức 02 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	14%	13%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt

(Nguồn: TDM)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm hiện nay

Năm 2024, Công ty thực hiện 01 đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 1.000 lên 1.100 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty thực hiện 01 đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBCNV (ESOP) – năm 2025. Cụ thể như sau:

13.1. Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng

Công ty thực hiện đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.100 tỷ đồng, căn cứ pháp lý của đợt phát hành:

- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một về việc thông qua Tờ trình số 26/TTr-HĐQT ngày 24/03/2023 của Hội đồng quản trị về việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023 của Công ty;



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 63/NQ-HĐQT ngày 24/10/2023 về việc thống nhất triển khai phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 426/GCN-UBCK ngày 11/12/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 21/02/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một về việc phân phối chào bán số cổ phiếu còn lại do cổ phiếu lẻ hoặc cổ phần không chào bán hết (Cổ phần cần phân phối);
- Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 05/03/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một về việc Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
- Văn bản số 52/CPNTDM-NSQT ngày 05/03/2024 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023;
- Văn bản số 1658/UBCK-QLCB ngày 14/03/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 52/CPNTDM-NSQT ngày 05/03/2024 và tài liệu bổ sung đến ngày 13/03/2024.
- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;
- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023.

Phương án phát hành tóm tắt:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 100.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán: 30.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu chào bán: 10.000.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 100.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 1.100.000.000.000 đồng.
- Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu.
- Phương thức chào bán: Cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:1. Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 (một) cổ phiếu sẽ được nhận 1 (một) quyền mua và cứ 10 (mười) quyền mua sẽ được mua 1 (một) cổ phiếu phát hành thêm.

Kết quả chào bán cổ phiếu:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 10.000.000 cổ phiếu.
- Tổng vốn/số tiền đã huy động: 300.000.000.000 đồng; Tổng chi phí chào bán/phát hành: 153.661.111 đồng; Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 299.846.338.889 đồng.
- Ngày kết thúc đợt chào bán/ phát hành: 28/02/2024.

Phương án sử dụng vốn:

- Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến 300.000.000.000 VND được sử dụng cho mục đích sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (VND)	Thời gian dự kiến sử dụng
1	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	143.000.000.000	Trong năm 2023
2	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp Nước Cà Mau	54.200.000.000	Trong năm 2023
3	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Tân	35.000.000.000	Trong năm 2023
4	Trả nợ vay gốc đến hạn cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương	64.500.000.000	Từ năm 2023 và 2024
5	Trả một phần nợ vay gốc đến hạn cho Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	3.300.000.000	Trong năm 2023
	Tổng cộng	300.000.000.000	

- Tổng thu ròng từ đợt phát hành cổ phiếu là 299.846.338.889 VND, nhỏ hơn số tiền theo kế hoạch là 153.661.111 VND.

Phương án sử dụng vốn điều chỉnh:

- Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023 như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Giá trị (VND)	Thời gian dự kiến sử dụng
1	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	143.000.000.000	Trong năm 2024



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

2	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp Nước Cà Mau	54.192.710.000	Trong năm 2024
3	Trả nợ vay gốc đến hạn cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương	93.802.924.835	Từ năm 2024 đến năm 2027
4	Trả một phần nợ vay gốc đến hạn cho Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	9.004.365.165	Trong năm 2024 và năm 2025
	Tổng cộng	300.000.000.000	

- Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 bổ sung nội dung Công ty được sử dụng số tiền nhàn rỗi chưa sử dụng đến để gửi tiền gửi tiết kiệm nhằm tối ưu hóa dòng tiền, trong thời gian chờ giải ngân để thực hiện đúng Phương án sử dụng vốn như trên.
- Tiến độ sử dụng vốn lũy kế đến 31/12/2025: Tại ngày 31/12/2025, số tiền nhàn rỗi được Công ty sử dụng cùng một phần nguồn vốn khác để gửi tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với tổng số tiền là 27.483.466.162 VND, lãi suất 6%/năm.

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo phương án sử dụng vốn (VND)	Số tiền vốn đã sử dụng từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 (VND)	Số tiền vốn đã sử dụng lũy kế đến ngày 31/12/2025 (VND)	Số tiền chưa sử dụng hết tại ngày 31/12/2025 (VND)
		(1)	(2)	(3)	(4) = (1) - (3)
1	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	143.000.000.000	-	143.000.000.000	-
2	Đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp Nước Cà Mau	54.192.710.000	-	54.192.710.000	-
3	Trả nợ vay gốc đến hạn cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương	93.802.924.835	30.022.924.835	67.272.924.835	26.530.000.000
4	Trả một phần nợ vay gốc đến hạn cho Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	9.004.365.165	-	9.004.365.165	-
	Tổng cộng	300.000.000.000	30.022.924.835	273.470.000.000	26.530.000.000⁽¹⁾

(Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 1.100 tỷ VND lũy kế đến ngày 31/12/2025 của TDM)



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Ghi chú (1): Tính ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/05/2026, Công ty đã sử dụng số tiền huy động từ đợt chào bán để trả nợ vay gốc đến hạn cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương là 4.500.000.000 đồng; Số dư nợ gốc còn phải trả định kỳ đến Quý I/2027 là 5.780.000.000 đồng.

Theo Điều 1 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2026, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định việc thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trên với số tiền thừa còn lại sau khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc cho Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương cho đến khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2027 diễn ra.

13.2. Đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBCNV (ESOP) – năm 2025

Công ty thực hiện đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBCNV (ESOP) – năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/03/2025; Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HDQT ngày 11/04/2025 về việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBCNV (ESOP) - năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một và ban hành Quy chế ESOP.

Phương án phát hành tóm tắt như sau:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.
- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDM.
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm: 1.100.000 cổ phiếu (tương đương 1,0% vốn điều lệ trước khi phát hành của Công ty).
- Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBCNV. Mục đích chào bán: thu hút nhân tài, giữ chân nhân sự có cống hiến cho Công ty.
- Đối tượng phát hành: Những cá nhân có thâm niên và đóng góp cho sự phát triển của Công ty trong 05 năm qua (gọi chung là CBCNV).
- Tiêu chuẩn người lao động tham gia: là các cán bộ công nhân viên đang nắm chức vụ quản lý và chủ chốt bao gồm: Lãnh đạo chủ chốt nhiệm kỳ 2020-2025: Hội đồng quản trị, bao gồm Thư ký Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc; Nhân viên cấp trung, Nhân viên chủ chốt.
- Quy định về hạn chế chuyển nhượng: 100% cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 02 (hai) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
- Giá phát hành: 25.000 (Hai mươi lăm nghìn) đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 11.000.000.000 đồng.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo giá phát hành: 27.500.000.000 đồng.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thành công: 1.111.000.000.000 đồng
- Thời gian phát hành dự kiến: năm 2025.

Kết quả phát hành cổ phiếu ESOP 2025:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 1.100.000 cổ phiếu.
- Tổng vốn/số tiền đã huy động (đã trừ chi phí phát hành): 27.072.222.222 đồng.
- Ngày kết thúc đợt chào bán/phát hành: 21/07/2025.

Phương án sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được sẽ được Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Stt	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt chào bán	Số tiền đã sử dụng	Số tiền còn phải thanh toán tiếp	Tiến độ thực hiện đến ngày 15/12/2025
1	Tiến độ thực hiện đến ngày 15/12/2025	27.072.222.222	27.072.222.222	0	100%

(Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ VND lên 1.111 tỷ VND lũy kế đến ngày 31/12/2025 của TDM)

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Cho đến ngày phát hành Bản cáo bạch này, Tổ chức phát hành không có những cam kết nhưng chưa thực hiện mà có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty như Hợp đồng thuê sử dụng đất, Trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty không có nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Cho đến ngày phát hành Bản cáo bạch này, Công ty cam kết "không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích" theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.



V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

(a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	31/03/2026
1	Tổng giá trị tài sản	3.023.658	3.396.116	12,32	3.454.176
2	Doanh thu thuần	544.406	506.113	(7,03)	78.326
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	225.238	218.719	(2,89)	124.313
4	Lợi nhuận khác	68	(217)	-	(425)
5	Lợi nhuận trước thuế	225.306	218.502	(3,02)	123.888
6	Lợi nhuận sau thuế	204.408	209.882	2,68	122.271
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	75%	69%	(8,66)	-
8	Tỷ lệ cổ tức	14%	13%	(7,14)	-

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)

Năm 2025, quy mô tài sản của doanh nghiệp tiếp tục tăng trưởng so với năm 2024. Cụ thể, tổng giá trị tài sản đạt 3.396 tỷ đồng, tăng 12,32% so với mức 3.023 tỷ đồng của năm trước, cho thấy doanh nghiệp có sự mở rộng về quy mô hoạt động. Tổng giá trị tài sản của Công ty trong giai đoạn này không có nhiều sự thay đổi về giá trị và cơ cấu, trong đó tài sản dài hạn là chủ yếu, chiếm khoảng 87% tổng tài sản Công ty. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên doanh, liên kết có giá trị khoảng 1.917 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 có sự giảm sút nhẹ do sản lượng nước tiêu thụ giảm. Do đó, các chỉ tiêu lợi nhuận ghi nhận kết quả giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2025 đạt 506,1 tỷ đồng giảm 7,03% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế đạt 218,5 tỷ đồng giảm 3,02% so với cùng kỳ. Tuy nhiên nhờ khoản chi phí thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2025 giảm nên Công ty vẫn ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 209,9 tỷ đồng tương ứng tăng 2,68% so với năm 2024. Năm 2025, công ty đã chia cổ tức với tỷ lệ 13%, giảm nhẹ so với mức 14% năm 2024.

Trong Quý I năm 2026, quy mô tài sản của Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, đạt mức 3.454 tỷ đồng. Về hoạt động kinh doanh, doanh thu thuần trong quý ghi nhận 78.326 triệu đồng, đóng góp vào kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 122.271 triệu đồng. Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính trong quý đầu năm vẫn được duy trì ở mức ổn định, phản ánh hiệu quả vận hành và khả năng thích ứng tốt của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường hiện tại, tạo nền tảng vững chắc cho kế hoạch kinh doanh của cả năm.

(b) Các chỉ tiêu khác: không có.



- (c) **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:** chi tiết theo Phần V mục 3 - Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty (trang 72 của Bản cáo bạch này).

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

1.2.1 Thuận lợi

Với lợi thế về hạ tầng khu công nghiệp hiện đại và đồng bộ, Bình Dương cũ đã và đang trở thành điểm đến hấp dẫn, được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước ưu tiên lựa chọn. Việc gia tăng thu hút vốn FDI kéo theo xu hướng mở rộng quy mô và số lượng các khu công nghiệp, qua đó làm gia tăng mạnh nhu cầu cấp thoát nước, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm như trung tâm hành chính của tỉnh, huyện Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên.

Bên cạnh đó, bối cảnh kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Bình Dương cũ nói riêng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, tạo nền tảng thuận lợi để TDMWATER mở rộng quy mô hoạt động, gia tăng doanh thu trong tương lai. Đồng thời, việc thực hiện lộ trình điều chỉnh giá nước bình quân tăng khoảng 5%/năm theo chủ trương của tỉnh cũng góp phần cải thiện biên lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, Công ty hiện có hợp đồng cung cấp nước sạch qua đồng hồ tổng cho khách hàng lớn là BIWASE, qua đó đảm bảo đầu ra ổn định, duy trì mức giá bán hợp lý và chính sách thanh toán thuận lợi, góp phần giảm thiểu rủi ro trong công tác thu hồi công nợ.

1.2.2 Khó khăn

Trong giai đoạn 2020–2022, do ảnh hưởng của các đợt giãn cách xã hội liên quan đến dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị gián đoạn, kéo theo sự sụt giảm sản lượng tiêu thụ nước, qua đó tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Giai đoạn đến năm 2025, Công ty duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế từng bước phục hồi và tăng trưởng ổn định. Nhu cầu sử dụng nước sạch tiếp tục gia tăng, đặc biệt tại các khu công nghiệp và khu dân cư mới, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao sản lượng cung cấp. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, cải tiến công nghệ, tối ưu hóa vận hành và kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và củng cố nền tảng phát triển bền vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, Công ty cũng đối mặt với một số rủi ro, đặc biệt là nguy cơ ô nhiễm nguồn nước trong bối cảnh các hoạt động sản xuất công nghiệp và nông nghiệp phát triển nhanh. Một số cơ sở sản xuất quy mô nhỏ chưa đầu tư đầy đủ hệ thống xử lý nước thải; trong khi đó, hoạt động nông nghiệp sử dụng nhiều hóa chất như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Ngoài ra, tình trạng khai thác cát, sỏi trái phép trên các tuyến sông, đặc biệt tại khu vực bảo vệ nguồn nước của Công ty, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước đầu vào.

Tỷ lệ thất thoát nước của hệ thống cấp nước hiện ở mức rất thấp, khoảng 0,1%. Nước thất thoát được phân thành hai nhóm: rò rỉ dễ phát hiện (nước tràn lên bề mặt) và rò rỉ khó phát hiện (nước thấm ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống thoát nước hoặc qua các đoạn ống đi qua cầu, suối...). Các điểm rò rỉ dễ phát hiện thường được xử lý kịp thời; tuy nhiên, đối với các điểm rò rỉ ngầm, việc phát hiện và khắc phục đòi hỏi kế hoạch dò tìm chuyên sâu, nên có thể tồn tại trong thời gian dài và chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng lượng nước thất thoát. Nếu không được kiểm soát một cách hệ thống, các điểm rò rỉ này có thể làm gia tăng thất thoát và ảnh hưởng đến sản lượng nước cung cấp.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BẢN THÊM CỐ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Tuy nhiên, với đặc thù mô hình cung cấp nước qua đồng hồ tổng đặt tại chân tường rào nhà máy, cùng với khoảng cách ngắn (khoảng 5m) từ bể chứa đến vị trí đồng hồ, tỷ lệ thất thoát trong phạm vi quản lý của Công ty được kiểm soát ở mức không đáng kể.

1.2.3 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025:

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo các quy định của pháp luật và đúng quy định tại Điều lệ của Công ty.

Bảng 22: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Vốn góp của chủ sở hữu	1.100.000.003.750	1.111.000.003.750	1.111.000.003.750
Thặng dư vốn cổ phần	597.645.660.707	613.717.882.929	613.717.882.929
Quỹ đầu tư phát triển	447.342.762.916	480.048.021.267	515.727.913.434
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	373.225.648.031	380.049.479.136	449.849.754.824
Vốn chủ sở hữu	2.518.214.075.404	2.584.815.387.082	2.690.295.554.937

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Giá trị sau ghi nhận ban đầu: Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN THÊM CỘ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 23: Khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản hữu hình khác	05 - 10
Quyền sử dụng đất	20 - 50
Phần mềm quản lý	05 - 10

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của TDM)

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định có liên quan đến việc trích khấu hao tài sản cố định

Những thay đổi trong chính sách khấu hao của công ty trong 2 năm qua và đến thời điểm hiện tại: công ty không thay đổi chính sách khấu hao

2.1.3 Mức lương bình quân

Bảng 24: Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	20.273.081	24.671.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

Thu nhập bình quân của người lao động tại TDMWATER trong năm 2024 và năm 2025 lần lượt đạt 20.273.081 đồng/người/tháng và 24.671.000 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp cùng ngành khác như BWE, CLW, DNW thì thu nhập bình quân của người lao động TDMWATER cao hơn các công ty trong cùng địa bàn hoạt động ở khu vực Miền Nam.

Bảng 25: Mức lương bình quân của một số Công ty trong ngành

Công ty	Năm 2024	Năm 2025
CTCP – Tổng công ty Nước – Môi trường Bình Dương	19.000.000	19.000.000
CTCP Cấp nước Đồng Nai (DNW)	18.936.906	18.928.981
CTCP Cấp nước Chợ Lớn (CLW)	21.217.000	21.650.000

(Nguồn: BCTN năm 2024, 2025 của các đơn vị)



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

2.1.4 Tình hình công nợ

❖ Các khoản phải thu

Bảng 26: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	156.450	266.431	421.856
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25	-	5.730
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	145.852	261.847	301.364
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5.000	2.000	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	5.574	2.584	114.762
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	123.940	107.940
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	123.940	107.940
	Tổng cộng	156.450	390.371	529.796

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)

❖ Các khoản phải trả

Bảng 27: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	Nợ ngắn hạn	238.256	266.428	241.734
1	Phải trả người bán ngắn hạn	6.574	2.668	6.643
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	50.000	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.764	17.710	3.443
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.219	5.071	9.573
5	Phải trả ngắn hạn khác	275	389	913
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	112.479	130.787	156.724
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.126	1.312	1.093
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	107.819	58.491	63.345
II	Nợ dài hạn	267.188	544.873	522.147
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	267.188	544.873	522.147
	Tổng cộng	505.444	811.301	763.881

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

❖ **Thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn**

Công ty hiện không có khoản nợ phải trả quá hạn, các khoản nợ phải trả đều được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

2.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của các Cơ quan Quản lý Nhà nước.

Bảng 28: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Thuế Giá trị gia tăng	-	16.448	-
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.293	862	1.618
3	Thuế Thu nhập cá nhân	182	184	247
4	Thuế tài nguyên	289	216	288
5	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.290
Tổng cộng		6.764	17.710	3.443

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)

2.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và pháp luật hiện hành. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Bảng 29: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	107.819	58.491	63.345
2	Quỹ đầu tư phát triển	447.343	480.048	515.728
3	Thặng dư vốn cổ phần	597.646	613.718	613.718
Tổng cộng		1.152.808	1.152.257	1.192.791

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC Quý I năm 2026 của TDM)



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

2.1.7 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Nhờ công tác quản trị rủi ro hiệu quả của đội ngũ Ban lãnh đạo và phòng ban chuyên trách của Công ty, dự kiến sẽ không có biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,76	1,66
Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,44	1,62
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,24
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,20	0,31
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,19	0,16
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,94	0,92
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	7,23	8,12
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	37,55	41,47
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	7,27	6,54
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	8,98	8,23
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.741	1.748

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của TDM)

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.

3.1. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Theo báo cáo tài chính kiểm toán số 250225.002/BCTC.KT1 ngày 25/02/2025 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, ý kiến của kiểm toán viên: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”.

3.2. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Theo báo cáo tài chính kiểm toán số 230226.002/BCTC.KT1 ngày 23/02/2026 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, ý kiến của kiểm toán viên: “Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 31: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2025	Năm 2026	
			Kế hoạch	% tăng/ giảm so với năm 2025
Tổng Doanh thu	triệu đồng	655.902,1	500.846,4	(23,64%)
Bao gồm:				
+ Doanh thu sản xuất nước (Doanh thu thuần)	triệu đồng	347.588,6	350.973,3	0,97%
+ Doanh thu tài chính	triệu đồng	149.493,9	149.493,9	0,00%
+ Doanh thu khác	triệu đồng	158.493,9	379,2	(99,76%)
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	218.212,8	240.428,1	10,18%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	209.629,9	225.975,5	7,80%
Vốn góp chủ sở hữu bình quân (*)	triệu đồng	2.551.515	2.939.445	15,20%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	60,31%	64,39%	4,08%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu bình quân	%	8,22%	7,69%	(0,53%)
Tỷ lệ cổ tức	%	13%	>= 13%	/

(*) Giá sử hoạt động kinh doanh của TDM đạt được như kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2026 đã thông qua và ghi nhận Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2026 là 225.975.000.000 đồng; Số vốn cổ phần tăng lên do chào bán thành công toàn bộ số cổ phần dự kiến là: 483.285.000.000 đồng, như vậy Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2026 dự kiến là 3.294.075.387.082 đồng;



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2026

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết số: 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2026; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2026 số 40/BC-CPNTDM của Ban Tổng Giám đốc ngày 23/03/2026.

4.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch nêu trên

Công ty đang triển khai thực hiện đầu tư hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng công suất 320.000m³/ngày đêm, nâng tổng công suất lên 350.000m³/ngày đêm, giai đoạn 01: Công suất 100.000m³/ngày đêm, phân kỳ 1: 50.000m³/ngày đêm, đồng thời đầu tư Tuyến ống chuyển tải nước thô D1500 từ Trạm bơm nước thơ Trừ Văn Thố về Nhà máy nước Bàu Bàng.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu vực đang cung cấp nước, trong đó có quy hoạch ngành cấp nước, Công ty đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để tăng sản lượng nước. Định hướng của Công ty là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương, phù hợp với tốc độ đô thị hoá và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng, cùng tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty luôn đoàn kết nhất trí trong công tác lãnh đạo và điều hành sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành, tâm huyết và có trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhiều năm kinh nghiệm, tinh thần đoàn kết và tự giác cao.

4.4. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán UP đã tiến hành thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Tổ chức tư vấn và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh tính tới thời điểm hiện tại, năng lực của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một, dự báo tình hình kinh tế và triển vọng của ngành trong thời gian tới, trường hợp không có biến động bất thường trong hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Chứng khoán UP cho rằng kế hoạch lợi nhuận của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một dự kiến cho năm 2026 là khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư cần tự mình nghiên cứu kỹ các thông tin và cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “*Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.*”

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào năm 2013, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về Cổ đông lớn

Stt	Cổ đông lớn	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP	15.510.000	13,96
2	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	7.779.999	7,00
3	Phạm Văn Chiến	6.100.000	5,49
Tổng cộng		29.389.999	26,45

(Nguồn: Theo Danh sách cổ đông TDM chốt tại ngày 10/02/2026 do VSDC cung cấp)

2.1. Tên cổ đông lớn: Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP

- Năm thành lập: 06/11/2007, trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 68/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 06/11/2007.
- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK do UBCK NN cấp ngày 06/01/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Hải Triều, phường Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 8.501.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám nghìn năm trăm linh một tỷ đồng).
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Tôn Minh Phương - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Người đại diện quản lý cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP tại TDM: Bà Tôn Minh Phương - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Số lượng cổ phần nắm giữ tại TDM: 15.510.000 cổ phần.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Bảng 46: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

TT	Cổ đông lớn/Người có liên quan của cổ đông lớn	Mối quan hệ của người liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (*)			Tại thời điểm 10/02/2026			Dự kiến sau phát hành (**)		
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIETCAP	Cổ đông lớn	15.510.000	15.510.000	14,10	15.510.000	15.510.000	13,96	17.061.000	17.061.000	13,96

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

Chú thích:

(*): Căn cứ Báo cáo số 193/2024/CV Vietcap ngày 12/04/2024 về ngày trở thành cổ đông lớn của TDM;

(**): Giá sừ Cổ đông lớn, Người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và tổng số cổ phần sau phát hành của Công ty là: 122.210.000 cổ phần.

- Hợp đồng, giao dịch giữa cổ đông lớn và TDM: Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.4 trang 106 Bản cáo bạch này.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

2.2. Tên cổ đông lớn: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc

- Năm thành lập: 21/12/2006.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700773106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 21/12/2006, thay đổi lần thứ 2 ngày 11/10/2023.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 (Số 59/49 cũ), đường ĐX68, Tổ 49, Khu 6, Phường Định Hòa, Tp Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng).
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Trí - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.
- Người đại diện quản lý cổ phần sở hữu của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc tại TDM: Ông Nguyễn Văn Trí - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.
- Số lượng cổ phần nắm giữ tại TDM: 7.779.999 cổ phần.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Bảng 32: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

TT	Cổ đông lớn/Người có liên quan của cổ đông lớn	Mối quan hệ của người liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (*)			Tại thời điểm 10/02/2026			Dự kiến sau phát hành (**)		
1	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông lớn	12.072.727	12.072.727	14,87	7.779.999	7.779.999	7,0027	8.557.999	8.557.999	7,0027
1.1	Nguyễn Văn Trí	Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	-	-	-	280.000	280.000	0,2520	308.000	308.000	0,2520

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

Chú thích:

(*): Căn cứ theo Bản cáo bạch niêm yết của TDM tại ngày 5/10/2018;

(**): Giả sử Cổ đông lớn, Người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và tổng số cổ phần sau phát hành của Công ty là: 122.210.000 cổ phần.

- Hợp đồng, giao dịch giữa cổ đông lớn và TDM: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHDCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

2.3. Tên cổ đông lớn: Phạm Văn Chiến

- Họ và tên: Phạm Văn Chiến
- Năm sinh: 1964
- Quốc tịch: Việt Nam



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Bảng 33: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

TT	Cổ đông lớn/Người có liên quan của cổ đông lớn	Mối quan hệ của người liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
			Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (*)			Tại thời điểm 10/02/2026			Dự kiến sau phát hành (**)		
1	Phạm Văn Chiến	Cổ đông lớn	5.360.880	5.360.880	6,60	6.100.000	6.100.000	5,4905	6.710.000	6.710.000	5,4905
1.1	Nguyễn Thị Gái	Vợ của ông Phạm Văn Chiến	-	-	-	134.500	134.500	0,1211	147.950	147.950	0,1211

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một)

Chú thích:

(*): Căn cứ theo Bản cáo bạch niêm yết của TDM tại ngày 5/10/2018.

(**): Giá sử Cổ đông lớn, Người có liên quan của cổ đông lớn đều thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và tổng số cổ phần sau phát hành của Công ty là: 122.210.000 cổ phần.

- Hợp đồng, giao dịch giữa cổ đông lớn và TDM: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Hiện tại Hội đồng quản trị có 05 thành viên, thông tin chi tiết như sau:

Bảng 34: Danh sách Hội đồng quản trị đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Đoàn Minh Thiện	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

3	Nguyễn Hoàng Ân	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
4	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)
5	Đặng Văn Pháp	Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)

Thông tin chi tiết:

3.1.1. Ông Nguyễn Văn Trí

- Họ và tên: Nguyễn Văn Trí
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 – nay	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc	Giám đốc
Từ 11/2013 – nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Chủ tịch HĐQT
Từ 09/2016 – nay	CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (từ năm 2013 đến nay).
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Thành viên HĐQT Công ty CP - Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (từ năm 2016 đến nay).
- + Giám đốc công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc (từ năm 2006 đến nay).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026.
- + Sở hữu cá nhân: 280.000 cổ phần (tương đương 0,2520% số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu đại diện: 7.779.999 cổ phần (tương đương 7,0027% số cổ phần đang lưu hành, Đại diện Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc).
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ với TDM	CC/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần) tại ngày 10/02/2026	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc (ông Nguyễn Văn Trí Chủ tịch HĐQT TDMWATER đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH sản xuất & Thương mại Quỳnh Phúc))	Cổ đông lớn	3700773106	7.779.999	7.00%

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
- + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Nguyễn Văn Trí và những người có liên quan: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	1.176.000.000	1.212.000.000
2	Tiền lương	0	0
3	Cổ phiếu ESOP	0	220.000 cổ phiếu, giá 25.000đ/cổ phiếu
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.5 trang 108 Bản cáo bạch này.*

3.1.2. Ông. Đoàn Minh Thiện - Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)

- Họ và tên: Đoàn Minh Thiện
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004 - 04/2005	Xí nghiệp Khoan và Xây lắp cấp thoát nước Waseco	Chuyên viên kế toán
2005 - 04/2007	Jonathan Charles Fine Furniture	Chuyên viên kế toán
05/2007 - 09/2011	Petrosetco Distribution	Phó phòng Tài chính Kế toán
09/2011 - 08/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Kế toán trưởng
08/2024 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Phó Tổng Giám Đốc
03/2025 - nay	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Thành viên Hội đồng quản trị
12/06/2020 - nay	CTCP Lothamilk	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành) (từ năm 2025 đến nay)
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (từ năm 2011 đến nay);
 - + Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Lothamilk (từ năm 2020 đến nay);
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026.
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và Tên Người có liên quan	Mối quan hệ với TDM	CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ tại ngày 10/02/2026	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap	Cổ đông lớn	68/UBCK-GP	15.510.000	13,96



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

(Ông Đoàn Minh Thiện – Phó Tổng giám đốc Vietcap là Thành viên HĐQT TDM)				
--	--	--	--	--

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Đoàn Minh Thiện và những người có liên quan: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.4 trang 106 Bản cáo bạch này.*
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	-	129.000.000
2	Tiền lương	0	0
3	Cổ phiếu ESOP	0	0
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

3.1.3. Ông. Nguyễn Hoàng Ân - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: Nguyễn Hoàng Ân
- Năm sinh: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 – 2025	Đài Phát Thanh Truyền Hình Bình Dương	Chuyên viên (kỹ thuật viên phòng sản xuất chương trình)
02/2026 – nay	Công ty Cổ phần Tân Thanh	Phó Giám đốc



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
25/03/2026 - nay	Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Thành viên HĐQT

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập (từ năm 2026 đến nay).
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Thanh (từ 02/2025 đến nay)
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 31/03/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu của người có liên quan: 93.500 cổ phần (tương đương 0,0842% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và Tên Người có liên quan	Mối quan hệ với TDM	CC/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Tân Thanh (Ông Nguyễn Hoàng Ân – Phó Giám đốc Tân Thanh là Thành viên HĐQT TDM)	Cổ đông	3700605969	4.300.000	3,87
2	Phạm Thúy Kiều (Vợ của Ông Nguyễn Hoàng Ân)	Cổ đông	074180000253	93.500	0,0842

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Nguyễn Hoàng Ân và những người có liên quan: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
-----	----------	-----------------	-----------------



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

1	Thù lao	0	0
2	Tiền lương	0	0
3	Cổ phiếu ESOP	0	0
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.1.4. Ông. Nguyễn Thanh Phong - Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Phong
- Ngày tháng năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy Sản - Chuyên ngành: Nhiệt lạnh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 - nay	Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	Giám đốc
11/2013-nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Thành viên HĐQT
9/2016-nay	CTCP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	Thành viên HĐQT
06/2017-nay	CTCP Cấp nước Chợ Lớn	Thành viên HĐQT
04/2017-nay	CTCP Cấp nước Trung An	Thành viên HĐQT
2018 - nay	CTCP nước sạch Phú An	Chủ tịch HĐQT
2020 - nay	CTCP nước sạch Kiến An	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành) (từ năm 2013 đến nay).
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại N.T.P (từ năm 1999 đến nay).
 - + Thành viên HĐQT CTCP cấp nước Chợ Lớn (từ năm 2017 đến nay).
 - + Thành viên HĐQT CTCP cấp nước Trung An (từ năm 2017 đến nay).
 - + Thành viên HĐQT CTCP - Tổng Công ty Nước Môi trường Bình Dương (từ năm 2016 đến nay).
 - + Chủ tịch HĐQT CTCP nước sạch Phú An (từ năm 2020 đến nay).



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- + Chủ tịch HĐQT CTCP Nước sạch Kiến An (từ năm 2025 đến nay).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 20/02/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 1.100.600 cổ phần (tương đương 0,9906% số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu đại diện: 5.500.000 cổ phần (tương đương 4,9505% số cổ phần đang lưu hành, (Đại diện Công ty TNHH Thương mại N.T.P).
- + Sở hữu của người có liên quan: 1.000.000 cổ phần, (tương đương 0,9001% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và Tên Người có liên quan	Mối quan hệ với TDM	CC/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH Thương mại N.TP (Ông Nguyễn Thanh Phong thành viên HĐQT TDMWATER đồng thời là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại N.T.P)	Cổ đông lớn	0301658057	5.500.000	4,95
2	Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo (Vợ của Ông Nguyễn Thanh Phong)	Cổ đông	079172015916	1.000.000	0,90

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Nguyễn Thanh Phong và những người có liên quan: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.4 trang 106 Bản cáo bạch này.*
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	168.000.000	171.000.000
2	Tiền lương	0	0



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

3	Cổ phiếu ESOP	0	100.000 cổ phiếu, giá 25.000đ/cổ phiếu
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.5 trang 108 Bản cáo bạch này.*

3.1.5. Ông. Đặng Văn Pháp - Thành viên Hội đồng quản trị (Thành viên không điều hành)

- Họ và tên: Đặng Văn Pháp
- Năm sinh: 1990
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2012-06/2013	Blackhorse Asset Management	Chuyên viên phân tích đầu tư
07/2013-02/2022	CTCP Chứng khoán Vietcap	Giám đốc phòng Nghiên cứu và phân tích
03/2022-12/2024	CTCP Chứng khoán Vietcap	Giám Đốc phòng Giao dịch chứng khoán, Khách hàng tổ chức
01/2025 – nay	CTCP Chứng khoán Vietcap	Giám Đốc phòng Ngân hàng đầu tư
03/2025 – nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Thành viên Hội đồng quản trị
27/08/2025 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Con Cưng	Thành viên Hội đồng quản trị
27/08/2025 – nay	Công ty Cổ phần Con Cưng	Thành viên Hội đồng quản trị

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành) (từ năm 2025 đến nay)



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Giám đốc Điều hành bộ phận Ngân hàng đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (từ năm 2025 đến nay)
- + Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Con Cưng (từ 27/08/2025 đến nay)
- + Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Con Cưng (từ 27/08/2025 đến nay)
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026
- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0 % số cổ phần đang lưu hành)
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành)
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành)
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và Tên Người có liên quan	Mối quan hệ với TDM	CC/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Chứng khoán Vietcap (Ông Đặng Văn Pháp – Giám đốc Điều hành bộ phận Ngân hàng đầu tư Vietcap là Thành viên HĐQT TDM)	Cổ đông lớn	68/UBCK-GP	15.510.000	13,96

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Đặng Văn Pháp và những người có liên quan: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.4 trang 106 Bản cáo bạch này.*
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	0	129.000.000
2	Tiền lương	0	0
3	Cổ phiếu ESOP	0	0



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

4	Các lợi ích khác	0	0
---	------------------	---	---

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

3.2. Ban Kiểm soát

Bảng 35: Danh sách Ban Kiểm soát đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Diên	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trịnh Đình Tùng	Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin chi tiết:

3.2.1. Bà. Nguyễn Thị Ngọc Thanh - Trưởng BKS

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Thanh
- Năm sinh: 1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2015-11/2015	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Chuyên viên phát triển Khách hàng Doanh nghiệp
11/2015 – nay	Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Giám đốc tài chính
28/05/2021 – nay	Công ty Cổ phần Tân Thanh	Giám đốc
29/06/2016 - nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát (từ năm 2015 đến nay).
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- + Giám đốc tài chính Công ty CP – Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (từ tháng 4/2026 đến nay).
- + Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Thanh (từ năm 2021 đến nay).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần (tương đương 0,09 % số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu đại diện: 4.300.000 cổ phần (tương đương 3,87% số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu của người có liên quan: 2.322.543 cổ phần (tương đương 2,0905 % số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và Tên Người có liên quan	Mối quan hệ với TDM	CC/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Tân Thanh (Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh là Giám đốc_	Cổ đông	3700605969	4.300.000	3,87
2	Nguyễn Văn Thiên (Ba của Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh)	Cổ đông	074057000194	1.492.643	1,3435
3	Đặng Thị Mười (Mẹ của Bà Nguyễn Ngọc Thanh)	Cổ đông	074156000262	829.900	0,7470

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có.
- Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà. Nguyễn Thị Ngọc Thanh và những người có liên quan: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.4 trang 106 Bản cáo bạch này.*
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
-----	----------	-----------------	-----------------



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

1	Thù lao	708.000.000	726.000.000
2	Tiền lương	0	0
3	Cổ phiếu ESOP	0	100.000 cổ phiếu, giá 25.000đ/cổ phiếu
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.5 trang 108 Bản cáo bạch này.*

3.2.2. Bà. Nguyễn Thị Diên – Thành viên BKS

- Họ và tên: Nguyễn Thị Diên
- Năm sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Tài chính Kế toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 – 2005	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương	Kế toán thanh toán
2005 – 2010	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương	Kế toán trưởng
2010 – 2015	Ban Quản lý dự án cấp nước Nam TDM trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương	Kế toán trưởng Ban Nam Thủ Dầu Một kiêm Kế toán trưởng Ban Tân Hiệp
2015 – nay	Công ty Cổ phần – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Tháng 3/2025 - nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Thành viên BKS

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên BKS (từ Tháng 3 năm 2025 đến nay)
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- + Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP - Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương (từ năm 1990 đến nay).
- + Trưởng Ban kiểm soát CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hoà (từ 27/03/2019 đến nay).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026:
- + Sở hữu cá nhân: 1.244.000 cổ phần (tương đương 1,1197 % số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- + Sở hữu của người có liên quan: 583.302 cổ phần (tương đương 0,5250% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Họ và Tên Người có liên quan	Mối quan hệ với TDM	CC/CCCD/ĐKKD	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Dương Hoàng Sơn (Chồng của Bà Nguyễn Thị Diên)	cổ đông	074065000240	513.177	0,4619
2	Nguyễn Văn Sáu (Em trai của Bà Nguyễn Thị Diên)	cổ đông	074067000216	70.125	0,0631

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà. Nguyễn Thị Diên và những người có liên quan: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.4 trang 106 Bản cáo bạch này.*
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	0	72.000.000
2	Tiền lương	0	0
3	Cổ phiếu ESOP	0	100.000 cổ phiếu, giá 25.000đ/cổ phiếu
4	Các lợi ích khác	0	0



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.5 trang 108 Bản cáo bạch này.*

3.2.3. Ông. Trịnh Đình Tùng – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Trịnh Đình Tùng
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/2003 -06/2006	Cục thuế tỉnh Bình Dương	Chuyên viên
07/2006-11/2006	Trung tâm Đào tạo lái xe An Cư	Chuyên viên
12/2006-07/2007	Ban QLDA Cấp nước và Vệ sinh Môi trường trực thuộc Công ty CP - Tổng Công ty nước Môi trường Bình Dương	Chuyên viên
08/2007-10/2017	Ban QLDA Cải thiện Môi trường Nước Nam Bình Dương trực thuộc Công ty CP - Tổng Công ty nước Môi trường Bình Dương	Chuyên viên
11/2017-2/2019	Ban QLDA Cấp nước Nam Thủ Dầu Một trực thuộc Công ty CP - Tổng Công ty nước Môi trường Bình Dương	Chuyên viên
03/2019-03/2024	Phòng Tài Chính - Kế toán Công ty CP - Tổng Công ty nước Môi trường Bình Dương	Chuyên viên
04/2024-nay	Phòng Đầu tư Công ty CP - Tổng Công ty nước Môi trường Bình Dương	Chuyên viên
04/2023 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Thành viên BKS
10/2023 - nay	CTCP Biwase Quảng Bình	Trưởng BKS



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2025 - nay	Công ty TNHH MTV Nước - Môi trường Biwase Kiên Giang	Kế toán trưởng

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên BKS (từ năm 2024 đến nay).
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Kiểm soát nội bộ Phòng Đầu tư Công ty CP – Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (từ tháng 04/2024 đến nay).
- + TV BKS Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (từ tháng 04/2023 đến nay).
- + Trưởng Ban kiểm soát CTCP Biwase Quảng Bình (từ tháng 10/2023 đến nay).
- + Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Nước - Môi trường Biwase Kiên Giang (từ tháng 11/2025 đến nay).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0 % số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Trịnh Đình Tùng và những người có liên quan: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	0	72.000.000
2	Tiền lương	0	0
3	Cổ phiếu ESOP	0	0
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.5 trang 108 Bản cáo bạch này.*

3.3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Bảng 36: Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Duy Khang	Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết:

3.3.1. Ông. Trần Thế Hưng – Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Trần Thế Hưng
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ luật
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2002 – 11/2013	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương (nay là CTCP - Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương-BIWASE)	Chuyên viên
11/2013 – nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Tổng Giám đốc
24/04/2018 – nay	CTCP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	Thành viên HĐQT
28/07/2022 – 31/03/2026	CTCP Thương mại Đầu tư Thiết kế Xây dựng Phú Hòa	Thành viên HĐQT
2022 – nay	TNHH Đầu tư Phát triển Thủ Dầu Một	Giám đốc
17/11/2022 – 31/03/2026	CTCP Dịch vụ cấp nước Gia Tân - Cẩm Mỹ	Thành viên HĐQT



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/10/2023 – nay	CTCP Biwase Quảng Bình	Thành viên HĐQT
25/06/2024 – nay	CTCP cấp nước Cà Mau	Thành viên HĐQT
17/06/2025 – nay	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	Thành viên HĐQT

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (từ năm 2013 đến nay).
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (từ năm 2018 đến nay).
 - + Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thủ Dầu Một (từ năm 2022 đến nay).
 - + Thành viên HĐQT CTCP Biwase Quảng Bình (từ năm 2023 đến nay).
 - + Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Cà Mau (từ năm 2024 đến nay).
 - + Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (từ năm 2025 đến nay).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026:
 - + Sở hữu cá nhân: 2.617.402 cổ phần (tương đương 2,3559 % số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Trần Thế Hưng và những người có liên quan: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	0	0
2	Tiền lương	840.918.366	967.600.000
3	Cổ phiếu ESOP	0	220.000 cổ phiếu, giá



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

			25.000đ/cổ phiếu
3	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.4 trang 106 Bản cáo bạch này.*

3.3.2. Ông. Nguyễn Minh Đức - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Nguyễn Minh Đức
- Năm sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Điện – Điện tử, Cao đẳng Điện khí hóa – Cung cấp điện
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
18/8/2003 đến 30/6/2014	Công ty TNHH ITV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương (nay là CTCP - Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương-BIWASE)	Chuyên viên
1/7/2014 đến nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (tương đương 0,018 % số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Nguyễn Minh Đức và những người có liên quan: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	0	0
2	Tiền lương	631.122.339	671.386.541
3	Cổ phiếu ESOP	0	20.000 cổ phiếu, giá 25.000đ/cổ phiếu
3	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

3.3.3. Ông. Nguyễn Văn Tân

- Họ và tên: Nguyễn Văn Tân
- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Môi trường
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993-1994	Công ty may Sông Bé	Công nhân
1994 – 1998	Công ty Giấy KimSing	Công nhân
	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước -Môi trường Bình dương (Nay là CTCP – Tổng Công ty Nước -Môi trường Bình Dương)	
07/2000 – 16/03/2023	Công ty CP – Tổng Công ty Nước -Môi trường Bình Dương (Biwase)	Quản đốc Chi nhánh Phước Vĩnh Phó GD Chi nhánh Thủ Dầu Một Phó GD Chi nhánh Chơn Thành



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
17/03/2023 – nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (tương đương 0,018 % số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Nguyễn Văn Tân và những người có liên quan: Không có
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	0	0
2	Tiền lương	439.247.447	499.190.910
3	Cổ phiếu ESOP	0	20.000 cổ phiếu, giá 25.000đ/cổ phiếu
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

3.3.4. Ông. Nguyễn Duy Khang – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Nguyễn Duy Khang
- Năm sinh: 1996
- Quốc tịch: Việt Nam



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2018 - 04/05/2022	Công ty CP – Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (Biwase)	Kế toán viên, kế toán tổng hợp
09/05/2022 - nay	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch
2023 - nay	CTCP Cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng (từ năm 2022 đến nay).
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Gia Tân (từ 2023 đến nay).
- + Thành viên Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Đồng Nai (từ 2023 đến nay).
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 10/02/2026
- + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (tương đương 0,018 % số cổ phần đang lưu hành)
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành)
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành)
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông. Nguyễn Duy Khang và những người có liên quan: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Năm 2025 (đồng)
1	Thù lao	0	0
2	Tiền lương	632.952.501	718.112.800



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

3	Cổ phiếu ESOP	0	20.000 cổ phiếu, giá 25.000đ/cổ phiếu
4	Các lợi ích khác	0	0

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: *Chi tiết theo Phần VI. Mục 3 điểm 3.5 trang 106 Bản cáo bạch này.*

3.4. Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty với Người nội bộ và những người có liên quan

Tên doanh nghiệp	Người nội bộ và người có liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch Năm 2025 (triệu đồng)	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
CTCP- Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BWE)	Công ty do ông Nguyễn Văn Trí - Chủ tịch HĐQT làm Thành viên HĐQT; Ông Nguyễn Thanh Phong - TV HĐQT làm TV HĐQT; Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh - Trưởng BKS làm Giám đốc tài chính; Bà Nguyễn Thị Diên - TV BKS làm Trưởng phòng Tài chính kế toán; Ông Trịnh Đình Tùng - TV BKS làm Chuyên viên Phòng Đầu tư	Cung cấp nước sạch, nước thô.	347.589	Không	Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 03/01/2025 của HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một về việc Thông qua chủ trương ký kết và thực hiện Hợp đồng/Giao dịch giữa TDM và các bên có liên quan trong năm 2025 (nếu có phát sinh)
		Giao dịch chuyển nhượng cổ phần CTCP Nước Biwase Long An	320.000	Không	Nghị quyết HĐQT số 56/NQ-HĐQT ngày 16/06/2025
		Nhận tạm ứng tiền cung cấp nước sạch.	50.000	Không	-Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Tên doanh nghiệp	Người nội bộ và người có liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch Năm 2025 (triệu đồng)	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
		Phí trả chậm tiền tạm ứng cung cấp nước.	422		ngày 03/01/2025 - Nghị quyết HĐQT số 21B/NQ-HDQT ngày 27/02/2025 của HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một về việc đề nghị tạm ứng theo thoả thuận cung cấp nước
		Thuê vận hành, Điện, vận chuyển bùn, thuê văn phòng, quảng bá doanh nghiệp, phân tích mẫu nước, nước sinh hoạt, ...	30.717	Không	Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HDQT ngày 03/01/2025
Công ty TNHH MTV sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Biwase	Công ty con của Biwase	Văn phòng phẩm, nước khoáng,...	178	Không	Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HDQT ngày 03/01/2025
Công ty TNHH MTV Liên hợp Khoa học – Công nghệ - Môi trường Biwase	Công ty con của Biwase	Xử lý rác, xử lý bùn, thi công xây dựng	2.013	Không	Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HDQT ngày 03/01/2025



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÀN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Tên doanh nghiệp	Người nội bộ và người có liên quan	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch Năm 2025 (triệu đồng)	Các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap	Công ty do ông Đoàn Minh Thiện – TV HĐQT làm Phó TGD và ông Đặng Văn Pháp – TV HĐQT làm Giám đốc Phòng Ngân hàng đầu tư	Dịch vụ tư vấn, phí lưu ký chứng khoán	122	Không	Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 03/01/2025
TNHH Thương mại N.T.P	Công ty do ông Nguyễn Thanh Phong – TV HĐQT làm Giám đốc	Mua hàng hoá, dịch vụ	446	Không	Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 03/01/2025
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Biwelco	Công ty do Bà Nguyễn Thị Diên – TV HĐQT làm trưởng Ban kiểm soát trước ngày 25/04/2025	Cung cấp hàng hoá dịch vụ Mua hàng hoá dịch vụ	464 5.138	Không Không	-Nghị quyết HĐQT số 04/NQ-HĐQT ngày 03/01/2025

3.5. Lợi ích liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng tại các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành và phương án kiểm soát xung đột lợi ích

Stt	Tên Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với BIWASE	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn/Người nội bộ của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp
1	TCP- Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương (BWE)	+ Sản phẩm, dịch vụ: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước; Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: Cả nước → BWE là khách hàng lớn thu mua toàn bộ nước sản xuất của Công ty, đồng thời TDM	+ Ông Nguyễn Văn Trí – Chủ tịch HĐQT làm Thành viên HĐQT tại BWE; Sở hữu 0 cổ phần BWE, tương ứng 0% VDL của BWE. + Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT làm TV HĐQT BWE; Sở hữu 3.000.000 cổ phần BWE, tương ứng 1,364%



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Stt	Tên Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với BIWASE	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn/Người nội bộ của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp
		<p>cũng là cổ đông lớn sở hữu cổ phần BWE, do đó hai bên có thể phát sinh các xung đột lợi ích. Doanh nghiệp tuân thủ quy định về quản trị công ty và công bố thông tin của công ty đại chúng và hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.</p>	<p>VĐL BWE; Vợ Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo sở hữu 1.000.000 cổ phần BWE, tương ứng 0,455%; Công ty TNHH TM N.T.P sở hữu 5.000 cổ phần BWE, tương ứng 0,002%.</p> <p>+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh – Trưởng BKS làm Giám đốc tài chính BWE; Sở hữu 722.400 cổ phần BWE, tương ứng 0,328%; Ba: Ông Nguyễn Văn Thiên sở hữu 10.216.212 cổ phần BWE, tương ứng 4,645%.</p> <p>+ Bà Nguyễn Thị Diên – TV BKS làm Trưởng phòng Tài chính kế toán, sở hữu 217.968 cổ phần BWE, tương ứng 0,099%; Chồng Dương Hoàng Sơn sở hữu 366.054 cổ phần BWE, tương ứng 0,166% .</p> <p>+ Ông Trịnh Đình Tùng – TV BKS làm Chuyên viên Phòng Đầu tư sở hữu 5.000 cổ phần BWE, tương ứng 0,0023%.</p> <p>+ Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT làm Trưởng BKS tại BWE sở hữu 357.000 cổ phần BWE, tương ứng 0,162%.</p>
2	CTCP Cấp nước Chợ Lớn	<p>+ Sản phẩm, dịch vụ: Sản xuất và cung cấp nước sạch.</p> <p>+ Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp.</p> <p>+ Địa bàn hoạt động: Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>→ CHOWACO hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM.</p>	<p>+ Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT làm TV HĐQT CHOWACO sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0%; Công ty TNHH TM N.T.P sở hữu 1.441.140 cổ phần, tương ứng 11,085%VĐL của CTCP cấp nước Chợ Lớn.</p>



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Stt	Tên Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với BIWASE	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn/Người nội bộ của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp
		Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	
3	CTCP Cấp nước Trung An (TAWACO)	+ Sản phẩm, dịch vụ: Sản xuất và cung cấp nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: Thành phố Hồ Chí Minh. → TAWACO hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM. Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	+ Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT làm TV HĐQT TAWACO; Sở hữu 0 cổ phần, tương ứng 0% VDL của TAWACO; Công ty TNHH TM N.T.P sở hữu 517.500 cổ phần TAWACO, tương ứng 10,35% VDL TAWACO.
4	CTCP nước sạch Phú An	+ Sản phẩm, dịch vụ: Sản xuất và cung cấp nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: tỉnh An Giang. → Công ty Phú An hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM. Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	+ Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT làm TV HĐQT Công ty Phú An; Sở hữu 580.000 cổ phần, tương ứng 58,00% VDL của CTCP Nước sạch Phú An.
5	CTCP nước sạch Kiến An	+ Sản phẩm, dịch vụ: Sản xuất và cung cấp nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: tỉnh An Giang. → Công ty CP nước sạch Kiến An hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM.	+ Ông Nguyễn Thanh Phong Thành viên HĐQT làm TV HĐQT Công ty Kiến An; Sở hữu 1.600.000 cổ phần, tương ứng 80,00% VDL của CTCP Nước sạch Kiến An.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Stt	Tên Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với BIWASE	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn/Người nội bộ của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp
		Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	
6	Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: tỉnh Quảng Bình. → Công ty CP Cấp nước Quảng Bình hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM. Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	+ Ông Trịnh Đình Tùng Thành viên BKS làm TV BKS CTCP Cấp nước Quảng Bình.
7	CTCP Biwase Quảng Bình	+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: tỉnh Quảng Trị. → Công ty CP Biwase Quảng Bình hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM. Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	+ Ông Trịnh Đình Tùng Thành viên BKS làm Trưởng BKS CTCP Biwase Quảng Bình. + Ông Trần Thế Hưng - TGD làm TV HĐQT CTCP Biwase Quảng Bình.
8	CTCP Dịch vụ Cấp nước Gia Tân - Cẩm Mỹ	+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: khu vực 5 xã Kiềm Tân và Khu đô thị Dầu Giấy. → CTCP Dịch vụ Cấp nước Gia Tân - Cẩm Mỹ hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh	+ Ông Trần Thế Hưng - TGD làm TV HĐQT CTCP Dịch vụ cấp nước Gia Tân - Cẩm Mỹ;



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Stt	Tên Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với BIWASE	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn/Người nội bộ của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp
		nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM. Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	
9	CTCP cấp nước Cà Mau	+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: tỉnh Cà Mau. → CTCP cấp nước Cà Mau hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM. Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	+ Ông Trần Thế Hưng - TGD làm TV HĐQT CTCP cấp nước Cà Mau;
10	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: Cần Thơ. → CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM. Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.	+ Ông Trần Thế Hưng - TGD làm TV HĐQT CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ.
11	CTCP Cấp nước Gia Tân (GIWACO)	+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch. + Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp. + Địa bàn hoạt động: tỉnh Đồng Nai.	+ Ông Nguyễn Văn Trí - Chủ tịch HĐQT làm TV HĐQT GIWACO; Sở hữu 1.000.000 cổ phần, tương ứng 2,99% VDL của GIWACO.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỎT**

Stt	Tên Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với BIWASE	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn/Người nội bộ của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp
		<p>→ GIWACO hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM.</p> <p>Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.</p>	<p>+ Ông Nguyễn Duy Khang - KTT làm Trưởng BKS GIWACO.</p>
12	CTCP Cấp nước Đồng Nai	<p>+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch.</p> <p>+ Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp.</p> <p>+ Địa bàn hoạt động: Đồng Nai.</p> <p>→ CTCP Cấp nước Đồng Nai hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM.</p> <p>Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.</p>	<p>+ Ông Nguyễn Duy Khang - KTT làm Trưởng BKS CTCP Cấp nước Đồng Nai.</p>
13	Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An	<p>+ Sản phẩm, dịch vụ: Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch.</p> <p>+ Phân khúc khách hàng mục tiêu: Bán lẻ nước sạch, nước thô đến hộ gia đình và doanh nghiệp.</p> <p>+ Địa bàn hoạt động: Long An (cũ), hiện nay là Tây Ninh.</p> <p>→ Công ty Cổ phần Nước Biwase - Long An hoạt động cùng lĩnh vực kinh doanh nhưng khác địa bàn hoạt động, do đó không cạnh tranh trực tiếp với TDM.</p> <p>Hai bên chưa phát sinh các tranh chấp và/hoặc sự kiện dẫn đến xung đột lợi ích.</p>	<p>+ Bà Dương Anh Thư – Thư ký HĐQT làm Thành viên HĐQT CTCP Nước Biwase – Long An.</p>

👉 Phương án kiểm soát xung đột lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan, bao gồm có lợi ích liên quan tại doanh



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

ngiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, CTCP Nước Thủ Dầu Một phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác không được biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên trong đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán: **11.110.000 cổ phiếu.**

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 111.100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười một tỷ một trăm triệu đồng*).

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là: **43.500 đồng/cổ phiếu**

6. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại thời điểm 31/12/2025 trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 là 23.266 đồng/cổ phiếu.

Giá đóng cửa của cổ phiếu TDM bình quân trong 30 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 03/02/2026 đến ngày 23/03/2026) là 57.413 đồng/cổ phiếu.

Xác định giá chào bán: Cổ phiếu của Công ty được chào bán cho cổ đông hiện hữu, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, HĐQT đề xuất giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 43.500 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

7.1. Đối tượng phát hành

Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu.

7.2. Phương thức thực hiện

Chào bán thêm 11.110.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ chào bán là 10:01 (tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 10 (mười) quyền mua sẽ được mua thêm 01 (một) cổ phiếu mới).

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ Đông



7.3. Chuyển nhượng quyền mua

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các đối tượng khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Quyền mua cổ phần sẽ hết hiệu lực tại ngày đến hạn thanh toán.

Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được TDM công bố chính thức sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán có hiệu lực.

7.4. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết

(a) Phương án xử lý cổ phiếu lẻ

Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi cổ đông thực hiện quyền, để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

(b) Phương án xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết

Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết bao gồm (i) số cổ phần còn dư do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán, (ii) số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phần được mua của cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền và (iii) số cổ phần chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán (11.110.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo tỷ lệ thực hiện quyền, ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT chủ động quyết định chào bán tiếp số lượng cổ phiếu còn lại cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán là 43.500 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu;

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định xử lý và phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nêu trên cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính;

Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi chào bán tiếp cho Nhà đầu tư theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Nghị định 245/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.”
- Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

11.1. Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.

11.2. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

Cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Các cổ đông đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

Cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Các cổ đông đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại Trụ sở Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện sẽ hết hiệu lực.

Số tiền mua cổ phiếu phải được nộp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty theo thông tin tại Phần VII mục 11 - Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu (trang 117 của Bản cáo bạch này).

11.3. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

11.4. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu

Không áp dụng.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán ra công chúng sẽ được phân phối cho các đối tượng chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực hoặc được gia hạn việc phân phối chứng khoán theo quy định tại Luật Chứng khoán.

Bảng 37: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày)
1	Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực	T
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với VSDC để triển khai chào bán	T đến T+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán ra công chúng trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	T đến T+7
4	Ngày đăng ký cuối cùng	T+12
5	Tổng hợp danh sách cổ đông có quyền mua	T+15
6	Thành viên lưu ký và Công ty thông báo quyền mua cho cổ đông	T+15 đến T+19



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày)
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	T+20 đến T+40
8	VSDC gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	T+43 đến T46
9	Tổng hợp kết quả đăng ký mua của cổ đông; HĐQT Công ty quyết định phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)	T+ 47 đến T+ 49
10	HĐQT Công ty phân phối lại cổ phiếu còn dư (nếu có)	T+ 50 đến T+ 65
12	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN	T + 68
13	Nhận thông báo của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu	T + 70
14	Thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+ 71 đến T+ 90
15	Chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông (đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký)	T+ 61 đến T+90

Đây là lịch trình phân phối dự kiến cho nhà đầu tư. Tuy nhiên tùy vào tình hình thực tế phát sinh, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, đồng thời cũng đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Số cổ phiếu chào bán thêm do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được phân bổ quyền mua. Số cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Trường hợp xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết, số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết được phân phối tiếp cho cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tiền mua cổ phiếu phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng của Công ty, chi tiết như sau:



- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
 - Số tài khoản: 8640113699
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- 12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**
- Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đợt tăng vốn.
- 13. Hủy bỏ đợt chào bán**
- Không áp dụng.
- 14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài**
- Theo danh sách cổ đông TDM tại ngày 10/02/2026, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là: 1,28%. Công ty hiện đang duy trì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và theo Văn bản số 3434/UBCK-PTTT ngày 06/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tối đa là 50%.
- Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:
- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu, căn cứ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua từ đợt chào bán, Công ty sẽ phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu (nếu có) để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán tuân thủ theo quy định pháp luật.
 - Trường hợp xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có), HĐQT sẽ ưu tiên phân phối cho nhà đầu tư trong nước, trong trường hợp phân phối cho nhà đầu tư nước ngoài sẽ đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không vượt quá 50% theo quy định.
- 15. Các loại thuế liên quan**
- Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- 18.1. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân**
- Thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán:
- Nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
 - Nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Thu nhập từ cổ tức:
 - + Theo Luật số 109/2025/QH15, thu nhập của cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập đầu tư vốn và chịu thuế suất thuế toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế 5%. Trường hợp cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư sẽ phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

18.2. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán:

- Doanh nghiệp trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập Doanh Nghiệp ngày 14/06/2025 thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, thu nhập chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp Thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Luật thuế TNDN số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025

16. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một cam kết:

- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
- Triển khai thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2026 về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2026 của TDM theo nội dung chi tiết tại Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 23/03/2026, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được Công ty sử dụng cho các mục đích (1) Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương, để duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phiếu BWE; (2) Trả nợ vay ngân hàng đến hạn.

2. Phương án khả thi

Số tiền thu được từ đợt chào bán không nhằm mục đích thực hiện dự án cụ thể nên không có phương án khả thi.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2026 của TDM đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2026, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến là: 483.285.000.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu cho các mục đích như sau:

Stt	Phương án sử dụng vốn thu được	Số tiền sử dụng dự kiến (VND)	Nguồn vốn đối ứng khác (VND) (nếu có)	Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
1	Đầu tư mua cổ phần BWE trong đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	433.685.000.000	1.296.240.111	Từ năm 2026, sau khi BWE được phép phân phối phiếu cho cổ đông hiện hữu
2	Thanh toán các khoản vay nợ đến hạn trả	49.600.000.000	0	Năm 2026- 2027, khi công ty được phép sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
2.1	Thanh toán khoản vay tại Hợp đồng vay số CCS00004	14.400.000.000	0	
-	Khoản vay cần thanh toán tại 14/12/2026	14.400.000.000	0	
2.2	Thanh toán khoản vay tại hợp đồng vay số CCS00008	35.200.000.000	0	
-	Khoản vay cần thanh toán tại ngày 14/12/2026	17.600.000.000	0	
-	Khoản vay cần thanh toán tại ngày 14/06/2027	17.600.000.000	0	
	Tổng cộng	483.285.000.000		



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Trong thời gian chờ thực hiện quyền mua cổ phiếu của BWE và đến hạn thanh toán các khoản vay ngân hàng, HĐQT được quyền sử dụng số tiền thu được bằng cách gửi tiền có kỳ hạn để tối ưu vốn của cổ đông;
- Tùy vào kết quả thực tế của đợt chào bán, HĐQT sử dụng vốn thu được phân bổ vào các mục đích theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Ưu tiên 1: Đầu tư mua cổ phần BWE trong đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương;
 - Ưu tiên 2: Trả nợ vay ngân hàng đến hạn.
- Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như dự kiến, tùy vào tình hình thực tế, HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán toàn bộ số cổ phiếu còn lại đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật;
 - Ngoài ra, nếu không thu đủ số tiền huy động dự kiến của đợt chào bán, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn khác như vay ngân hàng và/hoặc các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

1. Mục đích 1: Đầu tư mua cổ phần BWE trong đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương

- Tên cổ phiếu đầu tư: Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương.
- Mã cổ phiếu: BWE.
- Sàn niêm yết: HSX.
- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: **82.293.750 cổ phiếu.**

Căn cứ theo các tài liệu:

+ Báo cáo số dư chứng khoán của khách hàng: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại Công ty Chứng khoán Vndirect tại ngày 09/04/2026: 13.885.000 cổ phiếu;

+ Xác nhận số dư chứng khoán của khách hàng: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại Công ty Chứng khoán Yuanta Việt Nam tại ngày 09/04/2026: 50.658.750 cổ phiếu;

+ Sao kê số dư chứng khoán của khách hàng: Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một tại Công ty TNHH Chứng khoán ACB tại ngày 08/04/2026: 17.750.000 cổ phiếu;

- Số lượng cổ phiếu mua dự kiến: **11.756.250 cổ phiếu.**

Căn cứ theo Tỷ lệ thực hiện quyền 7:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu và cổ đông sở hữu 07 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

hàng đơn vị), tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, TDM sở hữu 82.293.750 cổ phiếu BWE sẽ được quyền mua thêm 11.756.250 cổ phiếu.

- Giá mua: **37.000 đồng/cổ phiếu.**

Căn cứ tính giá mua: Theo Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2026 của CTCP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương tại Tờ trình số 19/TTr-HĐQT ngày 23/03/2026 của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-BWE.ĐHĐCĐ/2026 ngày 27/03/2026.

- Giá trị cần đầu tư theo giá mua: **434.981.240.111 đồng.**

Trong đó nguồn vốn được sử dụng để đầu tư:

- *Nguồn vốn được huy động thông qua đợt chào bán tăng VDL: 433.685.000.000 đồng;*
- *Nguồn vốn khác của Công ty: 1.296.240.111 đồng.*

- Số lượng cổ phần BWE sau khi đầu tư thêm (dự kiến): 94.050.000 cổ phiếu.
- Giá trị giao dịch của TDM vào BWE là: 434.981.240.111 đồng, đạt tỷ lệ 12,81% tổng giá trị tài sản của TDM căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất.
- Tỷ lệ sở hữu của TDM tại BWE trước khi tham gia đầu tư thêm: 37,42% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu của TDM tại BWE sau khi đầu tư thêm (dự kiến): 37,42% vốn điều lệ.
- Mục tiêu đầu tư: Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước sạch và xử lý môi trường – một ngành dịch vụ thiết yếu có nhu cầu ổn định và ít chịu tác động mạnh từ biến động kinh tế. Với vị thế là đơn vị cấp nước chủ lực tại Bình Dương và liên tục mở rộng sang các địa phương khác, BWE duy trì kết quả kinh doanh bền vững, dòng tiền ổn định và nền tảng tài chính an toàn. Cổ phiếu BWE có chính sách chi trả cổ tức tiền mặt đều đặn qua nhiều năm, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho TDM.
- Với mục tiêu đầu tư dài hạn và tiếp tục duy trì tỷ lệ sở hữu tại BWE, Hội đồng quản trị Công ty trình HĐQT phê duyệt việc tiếp tục góp vốn mua cổ phần của BWE trong đợt tăng vốn năm 2026.
- Thời gian đầu tư: Ngay khi BWE nhận được Giấy phép chào bán cổ phiếu ra công chúng và sau khi TDM huy động vốn thành công từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

2. Mục đích 2: Thanh toán các khoản vay nợ đến hạn trả

2.1. Công ty cần huy động vốn để thanh toán các khoản nợ vay đến hạn trả với Ngân hàng, theo các Hợp đồng tín dụng sau:

ST T	Mục đích sử dụng vốn	Dư nợ vay tại 31/12/2025 (VNĐ)	Dư nợ vay tính đến thời điểm 31/05/2026	Số nợ cần trả từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thêm	Thời gian dự kiến trả
---------	----------------------	--------------------------------------	---	---	-----------------------------



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

				cổ phiếu ra công chứng (VND)	
	Dư nợ tại Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK	288.000.000.000	288.000.000.000		
1	Thanh toán khoản vay tại Hợp đồng vay số CCS00004	129.600.000.000	129.600.000.000	14.400.000.000	Năm 2026- 2027, khi công ty được phép sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
-	Khoản vay cần thanh toán tại 14/12/2026			14.400.000.000	
2	Thanh toán khoản vay tại Hợp đồng vay số CCS00008	158.400.000.000	158.400.000.000	35.200.000.000	
2.1	Khoản vay cần thanh toán tại 14/12/2026			17.600.000.000	
2.2	Khoản vay cần thanh toán tại 14/06/2027			17.600.000.000	
	Tổng cộng	288.000.000.000	288.000.000.000	49.600.000.000	

2.2. Chi tiết các khoản nợ vay cần thanh toán

**2.2.1. Dư nợ tại Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK: Thanh toán khoản vay tại Hợp
đồng vay CCS00004 và CCS00008**

- Ngày 12/06/2025, Công ty ký Hợp đồng cấp tín dụng số 229/2025/TL.OBU.01 với Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank, thông tin khoản vay như sau:
 - Đồng tiền cho vay: USD;
 - Giá trị khoản vay cam kết ban đầu: 12.500.000 USD;
 - Giá trị khoản vay tính đến 31/12/2025: 10.992.894 USD;
 - Giá trị khoản vay tính đến 31/05/2026: 10.992.894 USD
 - Mục đích cho vay: mua 20.000.000 cổ phiếu của CTCP Nước Biwase-Long An;
 - Thời gian vay: 05 năm;
 - Tài sản bảo đảm cho khoản vay: 20.000.000 cổ phiếu của CTCP Nước Biwase-Long An.
- Ngày 23/06/2025, Công ty đã ký thỏa thuận cố định tỷ giá và lãi suất cho khoản vay theo Hợp đồng CCS00004 với các điều khoản như sau:
 - Ngày hoán đổi ban đầu: 30/06/2025;
 - Tỷ giá hoán đổi: 26.185 VND/USD;
 - Số tiền hoán đổi ban đầu của TDM (số tiền cho vay thực tế): 5.499.331,68 USD;
 - Số tiền giải ngân thực tế bằng Việt Nam Đồng: 144.000.000.000 VND;
 - Thời gian vay: 05 năm;
 - Lãi suất vay sau khi làm CCS (bằng VND): 7,1%/năm;
 - Giá trị dư nợ vay tại ngày 31/12/2025: 129.600.000.000 VND;
 - Giá trị dư nợ vay tại ngày 31/05/2026: 129.600.000.000 VND



**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

- Thanh toán định kỳ: 6 tháng/lần;
- Số tiền trả nợ mỗi kỳ: 14.400.000.000 VND.
- Ngày 30/07/2025, Công ty đã ký thỏa thuận cố định tỷ giá và lãi suất cho khoản vay theo Hợp đồng CCS00008 với các điều khoản như sau:
 - Ngày hoán đổi ban đầu: 05/08/2025;
 - Tỷ giá hoán đổi : 26.210 VND/USD;
 - Số tiền hoán đổi ban đầu của TDM (số tiền cho vay thực tế): 6.714.994,28 USD;
 - Số tiền giải ngân thực tế bằng Việt Nam Đồng: 176.000.000.000 VND;
 - Thời gian vay : 05 năm;
 - Lãi suất vay sau khi làm CCS: 7,1%/năm;
 - Giá trị dư nợ vay tại ngày 31/12/2025: 158.400.000.000 VND;
 - Giá trị dư nợ vay tại ngày 31/05/2026: 158.400.000.000 VND
 - Thanh toán định kỳ: 6 tháng/lần;
 - Số tiền trả nợ mỗi kỳ: 17.600.000.000 VND.

2.2.2. Tuỳ theo thực tế về thời điểm và số tiền sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, ĐHĐCB giao cho HĐQT:

- Chủ động quyết định và lựa chọn thứ tự ưu tiên thanh toán các khoản vay đến hạn theo thoả thuận với các Ngân hàng và biến động thực tế của lãi vay/tỷ giá ngoại hối trên thị trường;
- Trường hợp thời điểm được sử dụng tiền từ đợt chào bán muộn hơn so với thời hạn thanh toán các khoản vay như trên, HĐQT được chủ động dùng tiền thanh toán cho các khoản nợ đến hạn ở kỳ tiếp theo của các khoản vay trên.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 3824 1990

Fax: (024) 3825 3973

Website: <http://aasc.com.vn>

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 3944 6666

Fax: (024) 3944 6969

Website: <http://upstock.com.vn>

3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Với tư cách là Tổ chức tư vấn phát hành cho đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một, Công ty Cổ phần Chứng khoán UP đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Căn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2026 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một, số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho mục đích (1) Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương, để duy trì tỷ lệ sở hữu cổ phiếu BWE; (2) Trả nợ vay ngân hàng đến hạn.

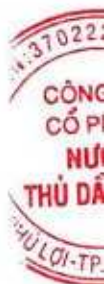
Công ty dự kiến chào bán 11.110.000 cổ phiếu ra công chúng với giá chào bán là 43.500đồng/cổ phiếu, cao hơn giá trị sổ sách của Công ty tại ngày 31/12/2025 và thấp hơn giá trị giao dịch trên thị trường hiện tại. Với triển vọng và tính thiết yếu của ngành sản xuất và kinh doanh nước sạch, việc duy trì lợi nhuận của Công ty trong những năm qua và kế hoạch kinh doanh năm 2026 có tính khả thi, tổ chức tư vấn nhận thấy đợt chào bán của Công ty có khả năng thành công. Việc thực hiện thành công đợt chào bán sẽ góp phần nâng cao quy mô tài chính và bổ sung nguồn vốn kịp thời cho Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư cần tự mình nghiên cứu kỹ các thông tin và cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ chức phát hành.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]





**BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT**

Phù Lợi, ngày 29 tháng 06 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN VĂN TRÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THẾ HƯNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN DUY KHANG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

CHỦ TỊCH HĐQT



CHU TUẤN AN



XII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2026 kèm Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 23/03/2026 về Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
3. Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 13/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài và các nội dung khác có liên quan;
4. Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 13/04/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thông qua hồ sơ đăng ký chào bán;
5. Điều lệ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
6. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, năm 2025, Báo cáo tài chính Quý I/2026 của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
7. Văn bản số 3434/UBCK-PTTT ngày 06/06/2022 về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một;
8. Các tài liệu liên quan đến mục đích sử dụng vốn.